

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT KÊ KHAI ĐĂNG KÝ THUỘC THÔN CAO HOÀ, XÃ THANH MIỆN

STT	Họ và tên người đại diện kê khai đơn đăng ký	Xứ Đồng	Thôn	Số lô	Số thửa đất theo sơ đồ giải thửa	Diện tích (m2)	Loại đất
1	Nguyễn Văn Toàn	Đất cát	Cao Hoà	1	1	648	LUC
2	Nguyễn Văn Toàn	Đất cát	Cao Hoà	1	2	648	LUC
3	Nguyễn Văn Toàn	Đất cát	Cao Hoà	1	3	1980	LUC
4	Trần Thị Lương	Đất cát	Cao Hoà	1	4	900	LUC
5	Vũ Thị Ngọc	Đất cát	Cao Hoà	1	5	1296	LUC
6	Trần Duy Liên	Đất cát	Cao Hoà	2	6	820,8	LUC
7	Vũ Thị Hiệu	Đất cát	Cao Hoà	2	7	666	LUC
8	Trần Văn Ngoạn	Đất cát	Cao Hoà	2	8	72	LUC
9	Vũ Thị Hết	Đất cát	Cao Hoà	2	9	1216,8	LUC
10	An Thị Bay	Đất cát	Cao Hoà	2	10	864	LUC
11	Lê Đức Hồng	Đất cát	Cao Hoà	2	11	842,4	LUC
12	Bùi Thị Huệ	Đất cát	Cao Hoà	2	12	648	LUC
13	An Văn Minh	Đất cát	Cao Hoà	2	13	324	LUC
14	Nguyễn Văn Chát	Đất cát	Cao Hoà	2	14	612	LUC
15	Lê Đức Bang	Đất cát	Cao Hoà	2	15	648	LUC
16	Phạm Văn Chiến	Đất cát	Cao Hoà	2	16	648	LUC
17	Đào Thị Nam	Đất cát	Cao Hoà	2	17	612	LUC
18	Nguyễn Hồng Chính	Đất cát	Cao Hoà	2	18	990	LUC
19	Phạm Thị Hứa (Chuyên)	Đất cát	Cao Hoà	2	19	972	LUC
20	An Văn Chính	Đất cát	Cao Hoà	2	20	648	LUC
21	Vũ Văn Thắng	Đất cát	Cao Hoà	2	21	468	LUC
22	Vũ Văn Khanh	Đổng go	Cao Hoà	1	22	957	LUC
23	Vũ Quang Lùng	Đổng go	Cao Hoà	1	23	1080	LUC
24	Nguyễn Thị The	Đổng go	Cao Hoà	1	24	1548	LUC
25	Trần Mạnh Tạo (Tiu)	Đổng go	Cao Hoà	1	25	1980	LUC
26	Nguyễn Văn Toàn	Đổng go	Cao Hoà	1	26	1461,6	LUC
27	Nguyễn Ngọc Sứ	Đổng go	Cao Hoà	1	27	1256,4	LUC
28	Vũ Thị Lên	Đổng go	Cao Hoà	1	28	763,2	LUC
29	Vũ Trọng Hiền	Đổng go	Cao Hoà	1	29	1548	LUC
30	Vũ Trọng Vinh	Đổng go	Cao Hoà	1	30	1857,6	LUC
31	03 Hoà Bình	Đổng go	Cao Hoà	1	31	252	LUC
32	Vũ Văn Khanh	Đổng go	Cao Hoà	2	32	1800	LUC
33	Vũ Dương Thuởng	Đổng go	Cao Hoà	2	33	360	LUC
34	Vũ văn Cầu	Đổng go	Cao Hoà	2	34	1164,4	LUC
35	Vũ Dương Hạnh (Tuyền)	Đổng go	Cao Hoà	2	35	1886,4	LUC
36	Vũ Dương Tứ	Đổng go	Cao Hoà	2	36	522	LUC
37	An Thị Liên	Đổng go	Cao Hoà	2	37	1548	LUC
38	Vũ Dương Liễu	Đổng go	Cao Hoà	2	38	342	LUC
39	Nguyễn Ngọc Vần	Đổng go	Cao Hoà	2	39	928,8	LUC
40	Nguyễn Văn Thạo	Đổng go	Cao Hoà	2	40	554,4	LUC
41	An Thị Lèo (Thông)	Đổng go	Cao Hoà	2	41	216	LUC
42	An Thị Lèo (Thông)	Đổng go	Cao Hoà	3	42	198	LUC
43	Vũ Thị Tuyên (Nhuong)	Đổng go	Cao Hoà	3	43	1238,4	LUC
44	Nguyễn Văn Tin	Đổng go	Cao Hoà	3	44	1238,4	LUC

45	Vũ Văn Thân	Đồng go	Cao Hoà	3	45	1857,6	LUC
46	Vũ Thị Hận (Tảo)	Đồng go	Cao Hoà	3	46	1173,6	LUC
47	Phạm Duy Đáp	Đồng go	Cao Hoà	3	47	1857,6	LUC
48	Nguyễn Thị Thêu	Đồng go	Cao Hoà	3	48	342	LUC
49	Nguyễn Hữu Toàn	Đồng go	Cao Hoà	3	49	684	LUC
50	Nguyễn Hạnh Phúc	Đồng go	Cao Hoà	3	50	612	LUC
51	03 nhóm 5+6 Hoà Bình	Giống đội 10	Cao Hoà	4	51	360	LUC
52	An Văn Chính	Giống đội 10	Cao Hoà	4	52	648	LUC
53	Phạm Thị Hứa (Chuyên)	Giống đội 10	Cao Hoà	4	53	864	LUC
54	Nguyễn Kim Nương (Tảo)	Giống đội 10	Cao Hoà	4	54	1260	LUC
55	Lưu Thị Lý	Giống đội 10	Cao Hoà	4	55	1238,4	LUC
56	An Văn Chiêu	Giống đội 10	Cao Hoà	4	56	1130,4	LUC
57	Trần Văn Thuý	Giống đội 10	Cao Hoà	4	57	1238,4	LUC
58	Bùi Hồng Vân	Giống đội 10	Cao Hoà	5	58	1548	LUC
59	Nguyễn Hạnh Phúc	Giống đội 10	Cao Hoà	5	59	936	LUC
60	Trần văn Tiếp	Giống đội 10	Cao Hoà	5	60	619,2	LUC
61	Bùi Văn Khánh	Giống đội 10	Cao Hoà	5	61	1548	LUC
62	Nguyễn Văn Mạnh	Giống đội 10	Cao Hoà	5	62	1238,4	LUC
63	Vũ Bá Tình	Giống đội 10	Cao Hoà	5	63	1008	LUC
64	Nguyễn Thị Hữu	Giống đội 10	Cao Hoà	5	64	288	LUC
65	Vũ Văn Tình	Giống đội 10	Cao Hoà	5	65	288	LUC
66	Phạm Duy Hương	Giống đội 10	Cao Hoà	5	66	1238,4	LUC
67	Lưu Văn Tuấn	Giống đội 10	Cao Hoà	5	67	1227,6	LUC
68	Lưu Thị Ngoan	Giống đội 10	Cao Hoà	6	68	1026	LUC
69	Vũ Trọng Dung	Giống đội 10	Cao Hoà	6	69	1548	LUC
70	Vũ Quang Lê	Ao Chăm	Cao Hoà	1	70	1458	LUC
71	Nguyễn Kim Nương (Tảo)	Ao Chăm	Cao Hoà	1	71	1044	LUC
72	Phạm Văn Chuân	Ao Chăm	Cao Hoà	1	72	162	LUC
73	Vũ Mạnh Hợp	Ao Chăm	Cao Hoà	1	73	637,2	LUC
74	Vũ Mạnh Hoà	Ao Chăm	Cao Hoà	1	74	900	LUC
75	Vũ mạnh Kim	Ao Chăm	Cao Hoà	1	75	396	LUC
76	Nguyễn Tiến Bộ	Ao Chăm	Cao Hoà	1	76	972	LUC
77	Nguyễn Văn Quý	Ao Chăm	Cao Hoà	1	77	1101,6	LUC
78	Nguyễn Mạnh Hùng	Ao Chăm	Cao Hoà	1	78	687,6	LUC
79	Lưu Thị Ngoan	Ao Chăm	Cao Hoà	1	79	615,6	LUC
80	Vũ Thị Mão (Khắc)	Ao Chăm	Cao Hoà	1	80	756	LUC
81	Lưu Văn Tuấn	Ao Chăm	Cao Hoà	1	81	1296	LUC
82	Lưu Văn Tuấn	Ao Chăm	Cao Hoà	1	82	774	LUC
83	Trần Văn Chúc	Ao Chăm	Cao Hoà	1	83	831,6	LUC
84	Trần Văn Chúc	Ao Chăm	Cao Hoà	2	84	2160	LUC
85	Lê Đức Bang	Ao Chăm	Cao Hoà	2	85	774	LUC
86	Phạm Văn Chiến	Ao Chăm	Cao Hoà	2	86	756	LUC
87	Lưu Xuân Dong	Ao Chăm	Cao Hoà	2	87	1040	LUC
88	Nguyễn Như Ý (Hào)	Ao Chăm	Cao Hoà	2	88	1170	LUC
89	Vũ Bá Thường	Ao Chăm	Cao Hoà	2	89	540	LUC
90	Vũ Văn Mạnh (Lành)	Ao Chăm	Cao Hoà	2	90	378	LUC
91	Nguyễn văn Dương (Bông)	Ao Chăm	Cao Hoà	2	91	468	LUC
92	Trần Thanh Bình	Ao Chăm	Cao Hoà	2	92	1029,6	LUC
93	Nguyễn Thị Nga	Ao Chăm	Cao Hoà	2	93	799,2	LUC
94	Nguyễn Văn Tại	Ao Chăm	Cao Hoà	2	94	385,2	LUC

95	Nguyễn Văn Tạo	Ao Chấm	Cao Hoà	2	95	351	LUC
96	Trần Văn Quyết (Chúc)	Ao Chấm	Cao Hoà	2	96	1170	LUC
97	An Văn Bất	Ao Chấm	Cao Hoà	2	97	630	LUC
98	An Văn Bất	Ao Chấm	Cao Hoà	2	98	410,4	LUC
99	Nguyễn Văn Mập	Ao Chấm	Cao Hoà	2	99	262,8	LUC
100	Nguyễn Thị Vinh	Ao Chấm	Cao Hoà	2	100	702	LUC
101	Vũ Văn Ban (Miễn)	Ao Chấm	Cao Hoà	3	101	234	LUC
102	Phạm Thị Thắng	Ao Chấm	Cao Hoà	3	102	702	LUC
103	Đỗ Thị Sâu	Ao Chấm	Cao Hoà	3	103	536,8	LUC
104	Nguyễn Thị Sao	Ao Chấm	Cao Hoà	3	104	536,8	LUC
105	Vũ Văn Chung	Ao Chấm	Cao Hoà	3	105	702	LUC
106	An Thị Xen	Ao Chấm	Cao Hoà	3	106	1170	LUC
107	Phạm Văn Chát	Ao Chấm	Cao Hoà	3	107	1548	LUC
108	Phạm Thị Ước	Ao Chấm	Cao Hoà	3	108	702	LUC
109	Phạm Thị Tươi	Ao Chấm	Cao Hoà	3	109	864	LUC
110	An Văn Mến	Ao Chấm	Cao Hoà	3	110	687,6	LUC
111	An Văn Bảo	Ao Chấm	Cao Hoà	3	111	453	LUC
112	Nguyễn Đức Hạnh	Ao Chấm	Cao Hoà	3	112	936	LUC
113	Lưu Văn Tuấn	Ao Chấm	Cao Hoà	3	113	522	LUC
114	Phạm Duy Hương	Ao Chấm	Cao Hoà	3	114	774	LUC
115	Phạm Duy Hương	Ao Chấm	Cao Hoà	3	115	334,8	LUC
116	Đỗ Thị Lan	Ao Chấm	Cao Hoà	3	116	756	LUC
117	Vũ Văn Quyết (Tuyển)	Ao Chấm	Cao Hoà	3	117	334,8	LUC
118	Đào Thị Nam	Ao Chấm	Cao Hoà	3	118	504	LUC
119	An Thị Liên	Ao Chấm	Cao Hoà	3	119	1512	LUC
120	An Thị Tứ	Ao Chấm	Cao Hoà	3	120	756	LUC
121	Phạm Duy Đáp	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	121	194,4	LUC
122	Vũ Văn Thân	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	122	194,4	LUC
123	Phạm Thị Hứa (Chuyên)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	123	162	LUC
124	Vũ Thị Tuyên (Nhuong)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	124	129,6	LUC
125	Vũ Thị Hạm (Tảo)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	125	194,4	LUC
126	Phạm Duy Hương	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	126	123,4	LUC
127	Nguyễn Văn Mạnh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	127	129,6	LUC
128	Nguyễn Mạnh Hùng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	128	129,6	LUC
129	Trần Thị Sộp	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	129	32,4	LUC
130	Nguyễn Văn Tấn	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	130	32,4	LUC
131	Lưu Thị Ngoan	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	131	97,2	LUC
132	Nguyễn Văn Đoá	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	132	64,8	LUC
133	Vũ Trọng Dung	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	133	162	LUC
134	Nguyễn Thị Hữu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	134	64,8	LUC
135	Vũ Văn Tinh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	135	64,8	LUC
136	Vũ Bá Tinh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	136	129,6	LUC
137	Bùi Huy Dương	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	137	97,2	LUC
138	An Văn Tuấn	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	138	162	LUC
139	Nguyễn Hồng Chính	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	139	178,2	LUC
140	Nguyễn Văn Tâm	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	140	84,6	LUC
141	Vũ Mạnh Kim	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	141	64,8	LUC
142	Vũ Mạnh Hoà	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	142	162	LUC
143	Nguyễn Tiến Bộ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	143	97,2	LUC
144	Vũ Mạnh Hợp	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	144	162	LUC
145	Phạm Văn Chuân	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	145	64,8	LUC

146	Nguyễn văn Quý	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	146	129,6	LUC
147	Vũ Văn Nam (Tíu)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	147	129,6	LUC
148	Vũ Quang Lùng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	148	97,2	LUC
149	Nguyễn Văn Toàn	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	149	129,6	LUC
150	Nguyễn Kim Nương (Trang)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	150	129,6	LUC
151	Nguyễn Ngọc Sứ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	151	162	LUC
152	Bùi Văn Chiến	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	152	129,6	LUC
153	Vũ Văn Khanh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	153	432	LUC
154	Vũ Trọng Vinh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	154	190,8	LUC
155	Trương Thị Đón	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	155	97,2	LUC
156	Vũ Quang Lệ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	156	162	LUC
157	Lưu Thị Sở	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	157	162	LUC
158	Vũ Trọng Hiền	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	158	162	LUC
159	Nguyễn Văn Tại	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	159	97,2	LUC
160	Nguyễn Thị Vinh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	160	259,2	LUC
161	Nguyễn minh Tuất	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	161	162	LUC
162	Trần Văn Quyết (Chúc)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	162	162	LUC
163	Nguyễn Thị Nga	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	163	162	LUC
164	An Văn Bất	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	164	97,2	LUC
165	An Văn Bất	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	165	226,8	LUC
166	Vũ văn Nhân	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	166	97,2	LUC
167	Phạm Văn Nam	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	167	97,2	LUC
168	An Văn Chung	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	168	97,2	LUC
169	An Thị Hoa	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	169	162	LUC
170	Nguyễn Thị Vạch	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	170	129,6	LUC
171	An Văn Xuất	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	171	194,4	LUC
172	Đỗ Thị Tầm	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	172	129,6	LUC
173	An Thị Văn	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	173	97,2	LUC
174	Trần Văn Lái	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	174	162	LUC
175	Phạm Văn Đền	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	175	198	LUC
176	Phạm Văn Nôi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	176	198	LUC
177	Phạm Văn Lôi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	177	237,6	LUC
178	Phạm Văn Thuỳ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	178	198	LUC
179	Phạm Văn Nguyên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	179	162	LUC
180	Trần Văn Quảng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	180	97,2	LUC
181	Khúc Thị Quyền	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	181	97,2	LUC
182	Đỗ văn Sách	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	182	129,6	LUC
183	Lưu Thị Dị	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	183	198	LUC
184	Trần Văn Thạo	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	184	162	LUC
185	Lương Văn Dưa	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	185	162	LUC
186	An Văn Đích	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	186	194,4	LUC
187	Phạm Văn Chất	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	187	194,4	LUC
188	An Văn Bảo	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	188	129	LUC
189	An Văn Mến	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	189	162	LUC
190	An Thị Xen	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	190	162	LUC
191	Nguyễn Đức Hạnh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	191	162	LUC
192	An Văn Thuý	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	192	162	LUC
193	An Văn Vững	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	193	162	LUC
194	Nguyễn Thị Sao	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	194	22,5	LUC
195	Phạm Văn Bắc	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	195	162	LUC
196	Phạm Thị Thắng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	196	97,2	LUC

197	Đỗ Thị Sâu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	197	81	LUC
198	Vũ Văn Chung	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	198	97,2	LUC
199	Trần Thị Cách	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	199	194,4	LUC
200	Vũ Văn Mạnh (Lành)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	200	97,2	LUC
201	Vũ Bá Thường	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	201	129,6	LUC
202	Nguyễn Như Ý (Hào)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	202	162	LUC
203	Nguyễn Thị Hoà	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	203	64,8	LUC
204	Nguyễn Văn Dương	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	204	97,2	LUC
205	Trần Thanh Bình	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	205	226,8	LUC
206	Vũ Mạnh Chi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	1	206	162	LUC
207	Vũ Thị Sáu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	207	120,6	LUC
208	Lưu Xuân Thuý	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	208	129,6	LUC
209	Bùi Văn Bền	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	209	162	LUC
210	Trần Đăng Hoà	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	210	162	LUC
211	Trần Thị Ngát	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	211	162	LUC
212	Trần Đăng Chương	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	212	129,6	LUC
213	An Thị Bội	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	213	162	LUC
214	Trần Thị Tuyết	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	214	64,8	LUC
215	Trương Thị Thuý	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	215	180	LUC
216	Bùi Văn Trường	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	216	32,4	LUC
217	Bùi Văn Nhường	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	217	97,2	LUC
218	Bùi Văn Mười	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	218	32,4	LUC
219	Vũ Bá Thiệp	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	219	129,6	LUC
220	Vũ Trọng Chuyên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	220	97,2	LUC
221	Bùi Thị Lan	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	221	64,8	LUC
222	Nguyễn Như Ý (Má)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	222	129,6	LUC
223	Nguyễn Quốc Huy	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	223	129,6	LUC
224	Nguyễn Tiên Phong	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	224	129,6	LUC
225	An Văn Long	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	225	162	LUC
226	Vũ Văn Khởi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	226	129,6	LUC
227	Vũ Thị Nôi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	227	97	LUC
228	Vũ Văn Miên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	228	64,8	LUC
229	Vũ Văn Miên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	229	64,8	LUC
230	Ngô Thị Ngừ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	230	97,2	LUC
231	Phạm Thị Hiên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	231	97,2	LUC
232	Phạm Văn Đợi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	232	97,2	LUC
233	An Văn Nhận	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	233	129,6	LUC
234	Bùi Văn Ngọc	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	234	162	LUC
235	Trần Văn Bảng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	235	97,2	LUC
236	Trần Văn Thắng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	236	64,8	LUC
237	Trần Thị Vượng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	237	162	LUC
238	Lưu Xuân Dong	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	238	194,4	LUC
239	An Văn Sông	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	239	129,6	LUC
240	Nguyễn Văn Nghĩa	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	240	97,2	LUC
241	Nguyễn Văn Thành	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	241	97,2	LUC
242	Nguyễn Văn Hiếu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	242	97,2	LUC
243	Nguyễn Văn Ngo	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	243	226,8	LUC
244	An Văn Tha	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	244	162	LUC
245	Trần Thị Quế	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	245	97,2	LUC
246	Đỗ Thị Xoan	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	246	97,2	LUC
247	Đỗ Văn Kiều	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	247	129,6	LUC

248	Trần Thị Bằng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	248	162	LUC
249	Đỗ Ngọc Khôi (Mây)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	249	162	LUC
250	Vũ Dương Hạnh (Tuyền)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	250	226,8	LUC
251	Vũ Dương Tứ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	251	129,6	LUC
252	Vũ Trọng Hoán	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	252	64,8	LUC
253	An Thị Tứ	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	253	162	LUC
254	An Thị Liên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	254	162	LUC
255	Vũ Văn Cầu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	255	201,6	LUC
256	Vũ Trọng Hưng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	256	486	LUC
257	Đỗ Văn Quỳnh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	257	432	LUC
258	Nguyễn Thị Tươi	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	258	64,8	LUC
259	Lưu Xuân Hừu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	259	194,4	LUC
260	Trần Thị Lương	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	260	126	LUC
261	Vũ Thị Hột	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	261	129,6	LUC
262	Vũ Thị Hiệu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	262	64,8	LUC
263	Trần Duy Liên	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	263	129,6	LUC
264	Trần Minh Tuấn	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	264	226,8	LUC
265	Lê Thị Hà (Ngoan)	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	265	97,2	LUC
266	Lê Đức Hồng	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	266	972	LUC
267	03 Hoà Bình	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	267	252	LUC
268	An Văn Chiêu	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	268	226,8	LUC
269	Trần Văn Thuý	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	269	129,6	LUC
270	Bùi Văn Khánh	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	270	162	LUC
271	Bùi Hồng Vân	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	271	162	LUC
272	Trần Văn Tiệp	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	272	64,8	LUC
273	Nguyễn Hạnh Phúc	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	273	162	LUC
274	Trần Ngọc Bắc	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	274	97,2	LUC
275	Lưu Thị Lý	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	275	129,6	LUC
276	Nguyễn Văn Tin	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	276	129,6	LUC
277	Nguyễn Ngọc Văn	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	277	97,2	LUC
278	Nguyễn Văn Thạo	Lợi lòng mạ	Cao Hoà	2	278	129,6	LUC
279	Đỗ văn Công	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	279	504	LUC
280	Nguyễn Xuân Tươi	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	280	702	LUC
281	Bì Anh Trọng	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	281	532,8	LUC
282	Vũ Trọng Hưng	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	282	432	LUC
283	Nguyễn Thị Thanh	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	283	342	LUC
284	Đỗ Văn Quỳnh	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	284	648	LUC
285	Vũ Văn Quyết	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	285	1080	LUC
286	Vũ Văn Đại	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	286	684	LUC
287	An Văn Chung	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	287	1371,6	LUC
288	Nguyễn Như Ý (Vạch)	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	288	1152	LUC

289	Nguyễn Thị Vạch	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	289	396	LUC
290	Vũ Văn Nhân	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	290	1198,8	LUC
291	An Thị Văn	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	291	1198,8	LUC
292	Đỗ Thị Tầm	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	292	468	LUC
293	An Thị Văn	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	293	450	LUC
294	Vũ văn Nhân	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	294	702	LUC
295	Phạm Văn Nam	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	295	468	LUC
296	Nguyễn Thị Vạch	Lợi lòng tây (MT)	Cao Hoà	3	296	936	LUC
297	03 nhóm 5+6 Hoà Bình	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	297	180	LUC
298	Đỗ Văn Sách	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	298	1598,4	LUC
299	Trần Văn Thạo	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	299	1008	LUC
300	Lương Văn Dừa	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	300	1998	LUC
301	An Văn Đích	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	301	2397,6	LUC
302	Phạm văn Thuỳ	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	302	1080	LUC
303	Trần Xuân Lái	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	303	1080	LUC
304	Phạm Văn Nguyên	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	304	720	LUC
305	Phạm Văn Đến	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	305	1080	LUC
306	Phạm Văn Nơi	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	306	1080	LUC
307	Phạm Văn Lôi	Lợi lòng tây	Cao Hoà	4	307	2088	LUC
308	Trương Thị Thuý	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	308	1440	LUC
309	Phạm Văn Thuỳ	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	309	900	LUC
310	Trần Xuân Lái	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	310	900	LUC
311	Phạm Văn Nguyên	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	311	900	LUC
312	Phạm Văn Nơi	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	312	900	LUC
313	Phạm Văn Đến	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	313	900	LUC
314	Vũ Văn Miên	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	314	799,2	LUC
315	Vũ Văn Miên	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	315	799,2	LUC
316	Vũ Văn Khởi	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	316	1598,4	LUC
317	Phạm Văn Đợi	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	317	1198,8	LUC
318	Phạm Thị Hiền	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	318	1198,8	LUC
319	An Văn Nhận	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	319	460,8	LUC
320	An Văn Long	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	320	1998	LUC
321	Bùi Huy Dương	Đồng lòng tây	Cao Hoà	5	321	928,8	LUC
322	Trần Thị Sộp	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	322	309,6	LUC
323	Nguyễn Văn Đoá	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	323	619,2	LUC
324	Nguyễn Văn Tấn	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	324	309,6	LUC
325	Nguyễn Mạnh Hùng	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	325	1368	LUC
326	Nguyễn Thị Hữu	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	326	324	LUC
327	Vũ Văn Tinh	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	327	324	LUC
328	Vũ Bá Tình	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	328	228	LUC
329	Nguyễn Tiến Bộ	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	329	928,8	LUC
330	Nguyễn Văn Quý	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	330	1234,8	LUC
331	Nguyễn Hồng Chính	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	331	288	LUC

332	Vũ Mạnh Kim	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	332	619,2	LUC
333	Vũ Mạnh Hoà	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	333	154,8	LUC
334	Nguyễn văn Tâm	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	334	862,2	LUC
335	Vũ Quang Lê	Đồng lòng tây	Cao Hoà	6	335	1548	LUC
336	Nguyễn Hồng Chính	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	336	1413	LUC
337	Phạm Văn Chuân	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	337	619,2	LUC
338	Vũ Thị Kiều	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	338	558	LUC
339	Lê Đức bang	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	339	1008	LUC
340	Đào Thị Nam	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	340	1260	LUC
341	An Văn Minh	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	341	342	LUC
342	Bùi Thị Huệ	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	342	684	LUC
343	Nguyễn Văn Chất	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	343	1026	LUC
344	Phạm Văn Chiến	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	344	684	LUC
345	Nguyễn Văn Mừng	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	345	738	LUC
346	An Thị Bay	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	346	1026	LUC
347	Lên Đức Hồng	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	347	1026	LUC
348	Trần Minh Tuấn	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	348	216	LUC
349	03 nhóm 5+6 Hoà Bình	Đồng lòng tây	Cao Hoà	7	349	180	LUC
350	Trần Minh Tuấn	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	350	2430	LUC
351	Lưu Xuân Hữu	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	351	597,6	LUC
352	Nguyễn Thị Tươi	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	352	619,2	LUC
353	Trần Duy Liên	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	353	986,4	LUC
354	Vũ Thị Hiệu	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	354	619,2	LUC
355	Vũ Thị Hết	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	355	1238,4	LUC
356	Trần Văn Ngoạn	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	356	928,8	LUC
357	Vũ Văn Thắng	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	357	1368	LUC
358	Vũ Trọng Hoàn	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	358	349,4	LUC
359	An Thị Tứ	Đồng lòng tây	Cao Hoà	8	359	1530	LUC
360	Vũ Mạnh Hợp	Giáp đồng hồng tây	Cao Hoà		360	1710	LUC
361	An Văn Tuấn	Giáp đồng hồng tây	Cao Hoà		361	1454,4	LUC
362	Phạm Văn Nam	Giáp đồng hồng tây	Cao Hoà		362	720	LUC
363	03 nhóm 5+6 Hoà Bình	Giáp đồng hồng tây	Cao Hoà			2592	LUC
364	Bùi Văn Ngọc (Lan)	Công Hậu	Cao Hoà	1	363	468	LUC
365	Bùi Văn Ngọc (Nhường)	Công Hậu	Cao Hoà	1	364	234	LUC
366	Bùi Văn Ngọc (Thiệp)	Công Hậu	Cao Hoà	1	365	388,8	LUC
367	Vũ Trọng Chuyên	Công Hậu	Cao Hoà	1	366	702	LUC
368	Nguyễn Tiên Phong	Công Hậu	Cao Hoà	1	367	936	LUC
369	Vũ Văn Miên	Công Hậu	Cao Hoà	1	368	468	LUC
370	Vũ Văn Khởi	Công Hậu	Cao Hoà	1	369	936	LUC
371	Vũ Văn Miên	Công Hậu	Cao Hoà	1	370	468	LUC
372	Phạm Văn Đợi	Công Hậu	Cao Hoà	1	371	378	LUC
373	Phạm Thị Hiền	Công Hậu	Cao Hoà	1	372	702	LUC
374	Vũ Thị Nới	Công Hậu	Cao Hoà	1	373	702	LUC
375	Ngô Thị Ngừ	Công Hậu	Cao Hoà	1	374	702	LUC
376	An Văn Nhận	Công Hậu	Cao Hoà	1	375	496,8	LUC
377	An Văn Long	Công Hậu	Cao Hoà	1	376	1008	LUC
378	Trần Xuân Lái	Công Hậu	Cao Hoà	1	377	745	LUC
379	Trần Thị Tuyết	Công Hậu	Cao Hoà	2	378	842,4	LUC
380	Nguyễn Văn Hiếu	Công Hậu	Cao Hoà	2	379	702	LUC

381	Vũ Mạnh Chi	Công Hậu	Cao Hoà	2	380	572,4	LUC
382	Lưu Xuân Thuý	Công Hậu	Cao Hoà	2	381	828	LUC
383	Vũ Thị Sáu	Công Hậu	Cao Hoà	2	382	820,8	LUC
384	Bùi Văn Bền	Công Hậu	Cao Hoà	2	383	162	LUC
385	Đỗ Ngọc Khôi (Mây)	Công Hậu	Cao Hoà	2	384	324	LUC
386	Đỗ Văn Kiều	Công Hậu	Cao Hoà	2	385	288	LUC
387	Đỗ Thị Xoan	Công Hậu	Cao Hoà	2	386	676,8	LUC
388	Trần Thị Quế	Công Hậu	Cao Hoà	2	387	406,8	LUC
389	Nguyễn Văn Ngo	Công Hậu	Cao Hoà	2	388	1566	LUC
390	Trần Thị Bằng	Công Hậu	Cao Hoà	2	389	1566	LUC
391	An Văn Sòng	Công Hậu	Cao Hoà	3	390	936	LUC
392	Trần Văn Thắng	Công Hậu	Cao Hoà	3	391	486	LUC
393	Bùi Thị Lan (Ngọc)	Công Hậu	Cao Hoà	3	392	468	LUC
394	Bùi Văn Nhường (Ngọc)	Công Hậu	Cao Hoà	3	393	288	LUC
395	Trần Thị Vượng	Công Hậu	Cao Hoà	3	394	648	LUC
396	Trần Văn Bằng	Công Hậu	Cao Hoà	3	395	90	LUC
397	Nguyễn Văn Nghĩa	Công Hậu	Cao Hoà	3	396	162	LUC
398	Nguyễn văn Thành	Công Hậu	Cao Hoà	3	397	162	LUC
399	An Thị Bội	Công Hậu	Cao Hoà	3	398	702	LUC
400	Bùi Văn Bền	Công Hậu	Cao Hoà	3	399	1008	LUC
401	Trần Đăng Chương	Công Hậu	Cao Hoà	3	400	892,8	LUC
402	Trần Thị Ngát	Công Hậu	Cao Hoà	3	401	1108,8	LUC
403	Trần Đăng Hoá	Công Hậu	Cao Hoà	3	402	882	LUC
404	An Thị Phụ	Quy năng	Cao Hoà	4	403	334,8	LUC
405	Nguyễn Đức Hạnh	Quy năng	Cao Hoà	4	404	666	LUC
406	Vũ Đình Phe	Quy năng	Cao Hoà	4	405	846	LUC
407	Phạm Văn Nam	Quy năng	Cao Hoà	4	406	666	LUC
408	Đỗ Ngọc Khôi (Mây)	Quy năng	Cao Hoà	4	407	666	LUC
409	Vũ Bá Thiệp	Quy năng	Cao Hoà	4	408	338,8	LUC
410	Bùi Văn Ngọc	Quy năng	Cao Hoà	4	409	367,2	LUC
411	Nguyễn văn Nghĩa	Quy năng	Cao Hoà	4	410	334,8	LUC
412	Phạm Văn Nguyên	Quy năng	Cao Hoà	4	411	288	LUC
413	Phạm Văn Nôi	Quy năng	Cao Hoà	4	412	547,2	LUC
414	Phạm Văn Thuý	Quy năng	Cao Hoà	4	413	676,8	LUC
415	Phạm Văn Đến	Quy năng	Cao Hoà	4	414	511,2	LUC
416	Khúc Thị Quyên	Quy năng	Cao Hoà	5	415	666	LUC
417	Khúc Thị Quyên	Quy năng	Cao Hoà	5	416	252	LUC
418	Trần Văn Quảng	Quy năng	Cao Hoà	5	417	662,4	LUC
419	Đỗ Văn Sách	Quy năng	Cao Hoà	5	418	396	LUC
420	Trần Văn Thạo	Quy năng	Cao Hoà	5	419	745,2	LUC
421	Lương Văn Dừa	Quy năng	Cao Hoà	5	420	1170	LUC
422	An Văn Đích	Quy năng	Cao Hoà	5	421	1339,2	LUC
423	Lưu Thị Dị	Quy năng	Cao Hoà	5	422	309,6	LUC
424	An Thị Hoa	Quy năng	Cao Hoà	5	423	1116	LUC
425	An văn Xuất	Quy năng	Cao Hoà	5	424	1252,8	LUC
426	An Thị Hoa	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	6	425	1998	LUC
427	An Văn Xuất	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	6	426	2397,6	LUC
428	Đỗ Thị Tâm	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	6	427	1598,4	LUC
429	Phạm Văn Phẩm	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	6	428	1198,8	LUC
430	Trần Văn Quảng	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	6	429	1198,8	LUC
431	Trần văn Thạo	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	6	430	972	LUC

432	Vũ Thị Nôi	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	431	1188	LUC
433	An Văn Nhận	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	432	1537,2	LUC
434	Ngô Thị Ngừ	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	433	1198,8	LUC
435	Nguyễn Tiên Phong	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	434	1598,4	LUC
436	Bùi Văn Nhường	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	435	1198,8	LUC
437	Vũ Trọng Chuyên	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	436	1198,8	LUC
438	Vũ Thị Thao	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	437	666	LUC
439	Bùi Văn Trường	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	438	399,6	LUC
440	Bùi Văn Mười	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	439	633,6	LUC
441	Bùi Thị Lan	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	7	440	799,2	LUC
442	Vũ Bá Thiệp	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	8	441	1598,4	LUC
443	Đỗ Ngọc Khôi (Mây)	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	8	442	1584	LUC
444	Trần Thị Bằng	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	8	443	1998	LUC
445	Nguyễn văn Ngo	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	8	444	2808	LUC
446	Nguyễn minh Tuất	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	9	445	2131,2	LUC
447	Đỗ Thị Xoan	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	9	446	1152	LUC
448	Trần Thị Quế	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	9	447	1152	LUC
449	Đỗ Văn Kiều	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	9	448	1620	LUC
450	Trần Đăng Hoà	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	9	449	360	LUC
451	Trần Đăng Hoà	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	450	1594,8	LUC
452	Trần Đăng Chương	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	451	748,8	LUC
453	Vũ Mạnh Chi	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	452	972	LUC
454	Trần Thị Ngát	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	453	936	LUC
455	Trần Thị Tuyết	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	454	799,2	LUC
456	An Thị Bột	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	455	999	LUC
457	Bùi văn Bền	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	456	1000,8	LUC
458	Lưu Xuân Thuỷ	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	457	792	LUC
459	Vũ Thị Sáu	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	458	694,8	LUC
460	Nguyễn văn Dương	Đồng lòng giữa	Cao Hoà	10	459	1116	LUC
461	Lưu Xuân Thuỷ	Ụ pháo	Cao Hoà	1	460	806,4	LUC
462	Vũ Thị Sáu	Ụ pháo	Cao Hoà	1	461	694,2	LUC
463	Bùi Văn Bền	Ụ pháo	Cao Hoà	1	462	997,2	LUC
464	Trần Thị Ngát	Ụ pháo	Cao Hoà	1	463	1018,8	LUC
465	An Thị Bột	Ụ pháo	Cao Hoà	1	464	999	LUC
466	Vũ Mạnh Chi	Ụ pháo	Cao Hoà	1	465	792	LUC
467	Trần Đăng Chương	Ụ pháo	Cao Hoà	1	466	817,2	LUC
468	An Văn Tiến (Vàng)	Ụ pháo	Cao Hoà	1	467	486	LUC
469	An Văn Thuần	Ụ pháo	Cao Hoà	1	468	450	LUC
470	An Văn Tha	Ụ pháo	Cao Hoà	1	469	774	LUC
471	An Văn Thuỷ	Ụ pháo	Cao Hoà	2	470	1375,2	LUC
472	Nguyễn Văn Hiếu	Ụ pháo	Cao Hoà	2	471	1296	LUC
473	Nguyễn Văn Thành	Ụ pháo	Cao Hoà	2	472	1296	LUC
474	Lưu Xuân Dong	Ụ pháo	Cao Hoà	2	473	2304	LUC
475	An Văn Sông	Ụ pháo	Cao Hoà	2	474	1586	LUC
476	Nguyễn Thị Hoà	Ụ pháo	Cao Hoà	3	475	896,4	LUC
477	Nguyễn Quốc Huy	Ụ pháo	Cao Hoà	3	476	1490,4	LUC
478	Trần Văn Thắng	Ụ pháo	Cao Hoà	3	477	864	LUC
479	Trần Thị Vượng	Ụ pháo	Cao Hoà	3	478	2160	LUC
480	Bùi Văn Ngọc	Ụ pháo	Cao Hoà	3	479	1764	LUC
481	Bùi Văn Trường	Ụ pháo	Cao Hoà	3	480	252	LUC
482	Trần Văn Bằng	Ụ pháo	Cao Hoà	3	481	1296	LUC

483	Nguyễn Văn Nghĩa	Ụ pháo	Cao Hoà	3	482	1296	LUC
484	Nguyễn Như Ý (Má)	Ụ pháo	Cao Hoà	4	483	1803,6	LUC
485	Vũ Văn Mạnh (Lành)	Ụ pháo	Cao Hoà	4	484	1198,8	LUC
486	Nguyễn Như Ý (Hào)	Ụ pháo	Cao Hoà	4	485	1980	LUC
487	Trần Thanh Bình	Ụ pháo	Cao Hoà	4	486	1627,2	LUC
488	Vũ Bá Thường	Mả Tre	Cao Hoà	1	487	2008,8	LUC
489	An Thị Phụ	Mả Tre	Cao Hoà	1	488	2397,6	LUC
490	Vũ Đình Phe	Mả Tre	Cao Hoà	1	489	2397,6	LUC
491	Trần Thanh Bình	Mả Tre	Cao Hoà	1	490	1188	LUC
492	An Văn Bất	Mả Tre	Cao Hoà	1	491	2520	LUC
493	Lưu Thị Dị	Mả Tre	Cao Hoà	1	492	2397,6	LUC
494	Nguyễn Thị Vinh	Mả Tre	Cao Hoà	1	493	1728	LUC
495	Nguyễn Văn Tại	Mả Tre	Cao Hoà	1	494	1198,8	LUC
496	Nguyễn Thị Nga	Mả Tre	Cao Hoà	1	495	432	LUC
497	An Văn Bảo	Mả Tre	Cao Hoà	1	496	1598	LUC
498	03 nhóm 5+6 Hoà Bình	Mả Tre	Cao Hoà	2	497	720	LUC
499	An Thị Xen	Mả Tre	Cao Hoà	2	498	1998	LUC
500	Phạm Thị Tươi	Mả Tre	Cao Hoà	2	499	432	LUC
501	Phạm Thị Ước	Mả Tre	Cao Hoà	2	500	864	LUC
502	Phạm Văn Chắt	Mả Tre	Cao Hoà	2	501	1101,6	LUC
503	Vũ Văn Ban (Miến)	Mả Tre	Cao Hoà	2	502	432	LUC
504	Nguyễn Văn Dương (Bông)	Mả Tre	Cao Hoà	3	503	720	LUC
505	Nguyễn Văn Tạo	Mả Tre	Cao Hoà	3	504	432	LUC
506	Nguyễn Văn Mậm	Mả Tre	Cao Hoà	3	505	1080	LUC
507	An Văn Bất	Mả Tre	Cao Hoà	3	506	1198,8	LUC
508	Trần Văn Quyết (Chúc)	Mả Tre	Cao Hoà	3	507	1998	LUC
509	Nguyễn Thị Nga	Mả Tre	Cao Hoà	3	508	1566	LUC
510	An Văn Vững	Mả Tre	Cao Hoà	3	509	1810,8	LUC
511	Nguyễn Đức Hạnh	Mả Tre	Cao Hoà	3	510	1566	LUC
512	An Văn Bảo (Mên)	Mả Tre	Cao Hoà	3	511	432	LUC
513	Vũ Văn Chung	Mả Tre	Cao Hoà	3	512	1198,8	LUC
514	Phạm Văn Bắc	Mả Tre	Cao Hoà	3	513	1998	LUC
515	Nguyễn Thị Sao	Mả Tre	Cao Hoà	3	514	990	LUC
516	Phạm Thị Thắng	Mả Tre	Cao Hoà	3	515	1198,8	LUC
517	Đỗ Thị Sâu	Mả Tre	Cao Hoà	3	516	990	LUC
518	03 Hoà Bình	Đống hồng to	Cao Hoà		517	2592	LUC
519	Đỗ Văn Thuý (Mây)	Đất cát nhóm 2	Cao Hoà		518	756	LUC
520	Bùi Văn Ngọc	Cổng Hậu	Cao Hoà		519	162	CLN
521	Trần Đăng Hoá	Cổng Hậu	Cao Hoà		520	288	CLN
522	Nguyễn Văn Nghĩa	Cổng Hậu	Cao Hoà		521	540	CLN
523	Nguyễn Văn Thành	Cổng Hậu	Cao Hoà		522	540	CLN
524	Vũ Trọng Hiền	Phản chằm	Cao Hoà		523	313,2	CLN
525	Trần Duy Liên	Phản chằm	Cao Hoà		524	673,2	CLN
526	Vũ Trọng Vinh	Phản chằm	Cao Hoà		525	540	CLN
527	Vũ Thị Ngọc (Thảo)	Phản chằm	Cao Hoà		526	792	CLN
528	Nuyễn Văn Chắt	Phản chằm	Cao Hoà		527	360	CLN
529	Nguyễn Văn Mạnh	Phản chằm	Cao Hoà		528	799,2	CLN
530	Nguyễn Mạnh Hùng	Phản chằm	Cao Hoà		529	478,8	CLN
531	Nguyễn Văn Đoá	Phản chằm	Cao Hoà		530	288	CLN
532	Lưu Thị Ngoan	Phản chằm	Cao Hoà		531	259,2	CLN

533	Vũ Văn Tĩnh	Phần chăm	Cao Hoà		532	147,6	CLN
534	Vũ Văn Ban (Miễn) Thập Hữu	Phần chăm	Cao Hoà		533	648	CLN
535	Vũ Thị Lân	Phần chăm	Cao Hoà		534		CLN
536	Đào Thị Nam	Phần chăm	Cao Hoà		535	684	CLN
537	Vũ văn Cầu	Phần chăm	Cao Hoà		536	352,8	CLN
538	An Thị Liên	Phần chăm	Cao Hoà		537	273,6	CLN
539	Nguyễn Thị The	Phần chăm	Cao Hoà		538	576	CLN
540	Vũ Dương Hạnh	Phần chăm	Cao Hoà		539	558	CLN
541	Bùi huy Dương	Phần chăm	Cao Hoà		540	93,6	CLN
542	Bùi Hồng Vân	Phần chăm	Cao Hoà		541	738	CLN
543	Trần Văn Tiệp	Phần chăm	Cao Hoà		542	216	CLN
544	Trần văn Thuý	Phần chăm	Cao Hoà		543	414	CLN
545	Trần Ngọc Bắc	Phần chăm	Cao Hoà		544	514,8	CLN
546	Vũ Văn Quyết	Phần chăm	Cao Hoà		545	273,6	CLN
547	Bùi Văn Chiến	Phần chăm	Cao Hoà		546	813,6	CLN
548	Nguyễn Thị Thanh	Phần chăm	Cao Hoà		547	144	CLN
549	Nguyễn Xuân Tươi	Phần chăm	Cao Hoà		548	144	CLN
550	Phạm Văn Chuân	Phần chăm	Cao Hoà		549	486	CLN
551	Vũ Trọng Dung	Phần chăm	Cao Hoà		550	759,6	CLN
552	Chu Văn Hiếu (Tĩnh)	Phần chăm	Cao Hoà		551	1008	CLN
553	Nguyễn văn Nhất	Đất cát N6	Cao Hoà		552	1044	CLN
554	Phạm Duy Hương	Đất cát N6	Cao Hoà		553	385,2	CLN
555	Nguyễn văn Mậm	Đất cát N6	Cao Hoà		554	320,4	CLN
556	Nguyễn Minh Tuất	Đất cát N6	Cao Hoà		555	1036,8	CLN
557	Vũ Dương Tứ	Đất cát N6	Cao Hoà		556	353	CLN
558	Vũ Văn Mạnh (Lãnh)	Đất cát N6	Cao Hoà		557	324	CLN
559	Vũ Bá Thiệp	Đất cát N6	Cao Hoà		558	324	CLN
560	Trần Thị Quế	Đất cát N6	Cao Hoà		559	295,2	CLN
561	Bùi Văn Nhường	Đất cát N6	Cao Hoà		560	414	CLN
562	An Thị Tứ	Đất cát N6	Cao Hoà		561	1638	CLN
563	Bùi Văn Khánh	Đất cát N6	Cao Hoà		562	738	CLN
564	An Văn Chiêu	Đất cát N6	Cao Hoà		563	1130,4	CLN
565	Vũ Dương Thường	Đất cát N6	Cao Hoà		564	972	CLN
566	Nguyễn Hạnh Phúc	Đất cát N6	Cao Hoà		565	558	CLN
567	Lê Thị Hà (Ngọan)	Đất cát N6	Cao Hoà		566	900	CLN
568	Nguyễn Văn Mừng (Tứ)	Đất cát N6	Cao Hoà		567	353	CLN
569	Lê Đức Hồng	Đất cát N6	Cao Hoà		568	993,6	CLN
570	Vũ Quang Lùng	Đất cát N6	Cao Hoà		569	810	CLN
571	Vũ Quang Nhất	Đất cát N6	Cao Hoà		570	270	CLN
572	Nguyễn Ngọc Sứ	Đất cát N6	Cao Hoà		571	720	CLN
573	Nguyễn Văn Toàn	Đất cát N6	Cao Hoà		572	1620	CLN
574	Vũ Văn Khanh	Đất cát N6	Cao Hoà		573	828	CLN
575	Vũ Trọng Hưng	Đất cát N6	Cao Hoà		574	720	CLN
576	Vũ Văn Nam (Tú)	Đất cát N6	Cao Hoà		575	540	CLN
577	Vũ Văn Hoán	Đất cát N6	Cao Hoà		576	918	CLN
578	Vũ Văn Thắng	Đất cát N6	Cao Hoà		577	828	CLN
579	Đỗ Văn Quỳnh	Đất cát N6	Cao Hoà		578	504	CLN
580	Đỗ văn Công	Đất cát N6	Cao Hoà		579	475,2	CLN
581	Nguyễn Hồng Chính	Đất cát N6	Cao Hoà		580	792	CLN
582	Nguyễn văn Tâm	Đất cát N6	Cao Hoà		581	720	CLN

583	Nguyễn Văn Mừng	Đất cát N6	Cao Hoà		582	1260	CLN
584	An Văn Tuấn	Đất cát N6	Cao Hoà		583	1713,6	CLN
585	Vũ Mạnh Hoà	Đất cát N6	Cao Hoà		584	720	CLN
586	Vũ Mạnh Hợp	Đất cát N6	Cao Hoà		585	785,8	CLN
587	Vũ Mạnh Kim	Đất cát N6	Cao Hoà		586	252	CLN
588	Vũ Thị Hạng (Tào)	Đất cát N6	Cao Hoà		587	1047,6	CLN
589	Vũ Thị Tuyên (Nhuong)	Đất cát N6	Cao Hoà		588	756	CLN
590	Lê Đức Bang	Đất cát N6	Cao Hoà		589	756	CLN
591	An Thị Lèo (Thông)	Đất cát N6	Cao Hoà		590	774	CLN
592	Nguyễn Ngọc Văn (Thân)	Đất cát N6	Cao Hoà		591	396	CLN
593	Vũ Văn Thân	Đất cát N6	Cao Hoà		592	691,2	CLN
594	Nguyễn Văn Tin	Đất cát N6	Cao Hoà		593	705,6	CLN
595	Phạm Duy Đáp	Đất cát N6	Cao Hoà		594	640,8	CLN
596	Khúc Thị Quyền	Đất cát N5	Cao Hoà		595	432	CLN
597	Nguyễn Thị Hoà	Đất cát N5	Cao Hoà		596	370,8	CLN
598	Phạm Văn Bắc	Đất cát N5	Cao Hoà		597	280,8	CLN
599	Phạm Văn Dị	Đất cát N5	Cao Hoà		598	324	CLN
600	An Văn Tuyên	Đất cát N5	Cao Hoà		599	439	CLN
601	Phạm Văn Lôi	Đất cát N5	Cao Hoà		600	1004,4	CLN
602	Phạm Văn Nơi	Đất cát N5	Cao Hoà		601	612	CLN
603	Phạm Văn Thuý	Đất cát N5	Cao Hoà		602	572,4	CLN
604	Phạm Văn Đền	Đất cát N5	Cao Hoà		603	648	CLN
605	Nguyễn Như Ý	Đất cát N5	Cao Hoà		604	360	CLN
606	Vũ Bá Thiệp	Đất cát N5	Cao Hoà		605	223,2	CLN
607	Vũ Văn Thường	Đất cát N5	Cao Hoà		606	396	CLN
608	An Văn Mến	Đất cát N5	Cao Hoà		607	288	CLN
609	An Văn Bảo	Đất cát N5	Cao Hoà		608	288	CLN
610	Nguyễn Quốc Huy	Đất cát N5	Cao Hoà		609	1044	CLN
611	Vũ Mạnh Chi	Đất cát N5	Cao Hoà		610	475,2	CLN
612	An Văn Thuý	Đất cát N5	Cao Hoà		611	1000,8	CLN
613	Vũ văn Khởi	Đất cát N5	Cao Hoà		612	504	CLN
614	Trần Xuân Lái	Đất cát N5	Cao Hoà		613	144	CLN
615	Lưu Thị Dị	Đất cát N5	Cao Hoà		614	864	CLN
616	Trần Văn Thạo	Đất cát N5	Cao Hoà		615	424,8	CLN
617	Đỗ Văn Sách	Đất cát N5	Cao Hoà		616	540	CLN
618	Trần Thanh Bình	Đất cát N5	Cao Hoà		617	698,4	CLN
619	Nguyễn Văn Dương	Đất cát N5	Cao Hoà		618	784,8	CLN
620	Nguyễn Như Ý (Má)	Đất cát N5	Cao Hoà		619	730,8	CLN
621	Vũ Đình Phe	Đất cát N5	Cao Hoà		620	720	CLN
622	An Văn Thuấn	Đất cát N5	Cao Hoà		621	396	CLN
623	An Văn Tiến (Vàng)	Đất cát N5	Cao Hoà		622	180	CLN
624	An Văn Thuý	Đất cát N5	Cao Hoà		623	216	CLN
625	Trần Thị Băng	Đất cát N5	Cao Hoà		624	720	CLN
626	An Thị Phụ	Đất cát N5	Cao Hoà		625	1022,4	CLN
627	An Văn Bất	Đất cát N5	Cao Hoà		626	72	CLN
628	An Văn Bất	Đất cát N5	Cao Hoà		627	1227,6	CLN
629	Nguyễn Thị Vinh	Đất cát N5	Cao Hoà		628	223,2	CLN
630	Nguyễn Văn Tại	Đất cát N5	Cao Hoà		629	316,8	CLN
631	Trần Văn Bảng	Đất cát N5	Cao Hoà		630	615,6	CLN
632	Nguyễn Thị Nga	Đất cát N5	Cao Hoà		631	370,8	CLN
633	Đỗ Ngọc Khôi (Mây)	Đất cát N5	Cao Hoà		632	612	CLN

634	Đỗ Văn Kiều	Đất cát N5	Cao Hoà		633	612	CLN
635	Đỗ Thị Xoan	Đất cát N5	Cao Hoà		634	115,6	CLN
636	An Văn Chung	Đất cát N5	Cao Hoà		635	529,2	CLN
637	An Văn Xuất	Đất cát N5	Cao Hoà		636	151,2	CLN
638	Đỗ Thị Tâm	Đất cát N5	Cao Hoà		637	468	CLN
639	An Thị Văn	Đất cát N5	Cao Hoà		638	252	CLN
640	An Văn Long	Đất cát N2	Cao Hoà		639	252	CLN
641	An Văn Vững	Đất cát N2	Cao Hoà		640	432	CLN
642	An Văn Vững	Đất cát N2	Cao Hoà		641	756	CLN
643	Phạm Văn Nguyên	Đất cát N2	Cao Hoà		642	439,2	CLN
644	Phạm Văn Nguyên	Đất cát N2	Cao Hoà		643	439	CLN
645	An Văn Thuý	Đất cát N2	Cao Hoà		644	756	CLN
646	Trần Văn Thụ	Cầu mới N4	Cao Hoà		645	396	CLN
647	Nguyễn Tiên Phong	Cầu mới N4	Cao Hoà		646	531	CLN
648	An Văn Sông	Cầu mới N4	Cao Hoà		647	360	CLN
649	Nông dân Thôn	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	1	720	LUC
650	Phụ nữ thôn	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	2	216	LUC
651	An Xuân Thoả	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	3	720	LUC
652	Lương Văn Học N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	4	216	LUC
653	An Thị Hương N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	5	511,2	LUC
654	An Đình văn N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	6	475,2	LUC
655	Trần Văn lực	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	9	216	LUC
656	Vũ Thị Ỗi	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	10	360	LUC
657	An Văn Tiến N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	11	511,2	LUC
658	An Văn Khởi	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	12	270	LUC
659	Vũ Thị La N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	13	360,3	LUC
660	Trần văn Hợp	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	14	272	LUC
661	An Văn Chảo	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	15	540	LUC
662	Trần Văn cử	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	17	382	LUC
663	An Văn Vững N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	18	720	LUC
664	An Thị Hoa N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	1	19	540	LUC
665	Trương Thị Biên	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	20	216	LUC
666	Vũ văn Thuấn	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	21	633	LUC
667	Nguyễn Xuân Núi	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	22	474	LUC
668	Trần Thị Thảo	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	23	675	LUC
669	Phạm Thị Vịnh	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	24	270	LUC
670	Trần văn Sông	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	25	270	LUC
671	Vương Thị Tâm	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	26	360	LUC
672	Phạm Thị Hà	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	27	266	LUC
673	Phạm Thị Lượng	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	28	900	LUC
674	An Văn Thuý	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	29	735	LUC
675	An Văn Dũng	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	30	463	LUC
676	Đoàn Thị Trường	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	31	464	LUC
677	An Văn Cảnh	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	34	480	LUC
678	Phạm Thị Lên N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	35	108	LUC

679	An Thị Kết Định N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	2	37	460,8	LUC
680	An Thị Hử	Đất Cát N1	Cao Hoà	3	39	367	LUC
681	An văn Mừng	Đất Cát N1	Cao Hoà	3	40	270	LUC
682	An Thị Duyên	Đất Cát N1	Cao Hoà	3	42	360	LUC
683	Nguyễn Trung liêu	Đất Cát N1	Cao Hoà	3	43	617	LUC
684	An Văn Nên	Đất Cát N1	Cao Hoà	3	44	355	LUC
685	Trần Thị Diễm	Đất Cát N1	Cao Hoà	3	45	675	LUC
686	An Văn Chăm	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	47	1620	LUC
687	An Thị Hử	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	48	308	LUC
688	Vũ Văn Ước	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	49	675	LUC
689	Đỗ Văn Công	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	50	380	LUC
690	Vũ Văn Đoan N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	51	180	LUC
691	Vũ Văn Hiệp	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	52	405	LUC
692	Phạm Văn Tuấn	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	53	405	LUC
693	An Văn Mùa	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	54	540	LUC
694	Vũ Thị Bình	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	55	393	LUC
695	An Văn Chương	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	56	371	LUC
696	An Văn Nhất	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	57	405	LUC
697	An Thị Khuê	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	58	675	LUC
698	An Văn Triển	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	59	405	LUC
699	Trần Thị Hia	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	60	405	LUC
700	Trần Thị Thoại	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	61	810	LUC
701	Trần Văn Quảng	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	62	810	LUC
702	An Văn Rộng	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	63	540	LUC
703	Trần Văn Vân	Đất Cát N1	Cao Hoà	4	64	540	LUC
704	Phạm Thị Vịnh	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	65	210	LUC
705	An Văn Khôi	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	66	691	LUC
706	Đỗ Thị Chuốt	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	67	78	LUC
707	An Thị Thoại	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	68	240	LUC
708	An Văn Dậu	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	69	405	LUC
709	An Văn Hiến	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	70	405	LUC
710	An Văn Lập	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	71	1080	LUC
711	An Thanh Chức	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	72	102	LUC
712	An Văn Phiên	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	73	108	LUC
713	Trần Thanh Bình	Đất Cát N1	Cao Hoà	5	74	540	LUC
714	Đỗ Văn Việt	Đất Cát N1	Cao Hoà	6	75	540	LUC
715	Trần Văn Tám	Đất Cát N1	Cao Hoà	6	76	405	LUC
716	Phạm Thị Yêu	Đất Cát N1	Cao Hoà	6	77	450	LUC
717	An Thị Tài	Đất Cát N1	Cao Hoà	6	78	945	LUC
718	Vũ Thị Dã	Đất Cát N1	Cao Hoà	7	79	750	LUC
719	Trần Văn Khoái	Đất Cát N1	Cao Hoà	7	80	252	LUC
720	An Văn Phiên	Đất Cát N1	Cao Hoà	8	84	489	LUC
721	An Thị Thoại	Đất Cát N1	Cao Hoà	8	85	365	LUC
722	An Văn Long	Đất Cát N1	Cao Hoà	8	86	464	LUC
723	An Văn Cảnh	Đất Cát N1	Cao Hoà	8	87	433	LUC

724	An Văn Dương	Đất Cát N1	Cao Hoà	8	88	220	LUC
725	An Văn Mẫn N2	Đất Cát N1	Cao Hoà	9	89	720	LUC
726	An Văn Thuý N5	Đất Cát N1	Cao Hoà	9	90	720	LUC
727	Đỗ Công Định	Đất Cát N1	Cao Hoà	9	91	259	LUC
728	An Thanh Chức	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	92	303	LUC
729	An Văn Xuất	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	93	675	LUC
730	An Văn Vinh	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	94	270	LUC
731	An Văn Sao	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	95	346	LUC
732	An Thị Sôi	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	96	106	LUC
733	An Văn Tuyền	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	97	405	LUC
734	Đỗ Xuân Liệu	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	98	473	LUC
735	An Thị Tán	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	99	738	LUC
736	Vũ Thị Tĩnh	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	100	450	LUC
737	Trần Văn Lương	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	101	540	LUC
738	Trần Văn Bé	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	102	810	LUC
739	Nguyễn Thị Êm	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	103	405	LUC
740	An Văn Chương	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	104	160	LUC
741	An Văn Hương	Đất Cát N1	Cao Hoà	10	105	270	LUC
742	An Thị Đạt	Đất Cát N1	Cao Hoà	11	106	270	LUC
743	An Văn Thăng	Đất Cát N1	Cao Hoà	11	107	716	LUC
744	Trần Văn Toàn	Đất Cát N1	Cao Hoà	11	108	270	LUC
745	Hà Thị Hừ	Đất Cát N1	Cao Hoà	11	109	139	LUC
746	Trần Văn Pha	Đất Cát N1	Cao Hoà	11	110	270	LUC
747	Nguyễn Thị Bền	Đất Cát N1	Cao Hoà	12	119	405	LUC
748	An Thị Xuyên	Đất Cát N1	Cao Hoà	12	120	323	LUC
749	An Văn Hoài	Đất Cát N1	Cao Hoà	12	121	405	LUC
750	An Thị Xuyên	Đất Cát N1	Cao Hoà	13	122	487	LUC
751	Vũ Văn Đoan	Đất Cát N1	Cao Hoà	13	124	180	LUC
752	Vũ Văn Nghị	Đất Cát N1	Cao Hoà	13	125	180	LUC
753	An Thị Hừ	Chùa đoàn	Cao Hoà	1	131	525	LUC
754	Vũ Văn Ước	Chùa đoàn	Cao Hoà	1	132	525	LUC
755	An Văn Châm	Chùa đoàn	Cao Hoà	1	133	120	LUC
756	Trần Quyết Tiến	Chùa đoàn	Cao Hoà	1	134	525	LUC
757	Đỗ Văn Việt	Chùa đoàn	Cao Hoà	2	135	446	LUC
758	An Văn Chương	Chùa đoàn	Cao Hoà	2	136	497	LUC
759	Đỗ Xuân Liệu	Chùa đoàn	Cao Hoà	2	137	367	LUC
760	Vũ Thị Tĩnh	Chùa đoàn	Cao Hoà	2	138	360	LUC
761	Kim Văn Tâm	Chùa đoàn	Cao Hoà	2	139	432	LUC
762	Trần Văn Cừ	Chùa đoàn	Cao Hoà	3	140	480	LUC
763	Nguyễn Văn Chiêu	Chùa đoàn	Cao Hoà	3	141	581	LUC
764	Nguyễn Văn Đại	Chùa đoàn	Cao Hoà	3	142	326	LUC
765	Trần Văn Hợp	Chùa đoàn	Cao Hoà	3	143	210	LUC
766	Vương Thị Điều	Chùa đoàn	Cao Hoà	3	144	432	LUC
767	Vũ Thị Ổi	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	145	298	LUC
768	Trần Văn Lực	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	146	209	LUC

769	Đoàn Thị Trường	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	147	511	LUC
770	An Văn Dũng	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	148	492	LUC
771	An Văn Thuý	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	149	252	LUC
772	An Thị Đan	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	150	326	LUC
773	Phạm Thị Lượng	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	151	349	LUC
774	Phạm Thị Hà	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	152	513	LUC
775	An Văn Đồi	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	153	448	LUC
776	An Thị Đạt	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	154	360	LUC
777	An Văn Tắc	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	155	360	LUC
778	An Văn Cảnh	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	156	360	LUC
779	An Văn Tĩnh	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	157	360	LUC
780	An Minh Phẩm	Chùa đoàn	Cao Hoà	4	158	360	LUC
781	Trương Thị Biên	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	159	720	LUC
782	Vũ Thị Tính	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	160	720	LUC
783	An Văn Hương	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	161	720	LUC
784	Vũ Thị Bính	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	162	720	LUC
785	An Văn Hương	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	163	228	LUC
786	Trần Thanh Bình	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	164	360	LUC
787	An Thị Đạt	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	165	360	LUC
788	Vũ Thị Tính	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	166	360	LUC
789	An Văn Rộng	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	167	1200	LUC
790	Vương Thị Điều	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	168	756	LUC
791	An Thị Duyên	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	169	1876	LUC
792	An Văn Phiên	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	170	360	LUC
793	An Thanh Chức	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	171	360	LUC
794	Vũ Văn Tuyến	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	172	360	LUC
795	An Văn Rộng	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	173	419	LUC
796	Trần Văn Quảng	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	174	664	LUC
797	Trần Thị Thảo	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	175	180	LUC
798	Phạm Thị Hà	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	176	108	LUC
799	Nguyễn Xuân Núi	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	177	436	LUC
800	An Thị Gái	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	178	60	LUC
801	Vũ Văn Thuận	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	179	122	LUC
802	Trần Thị Diễm	Chùa đoàn	Cao Hoà	5	180	64	LUC
803	An Thị Duyên	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	181	360	LUC
804	An Văn Bền	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	182	315	LUC
805	An Văn Hoài	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	183	291	LUC
806	Trần Văn Pha	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	184	214	LUC
807	Vũ Văn Hiệp	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	185	315	LUC
808	Hà Thị Cừ	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	186	95	LUC
809	Trần Văn Toàn	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	187	240	LUC
810	Phạm Văn Tuấn	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	188	315	LUC
811	An Văn Mùa	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	189	108	LUC
812	Nguyễn Thị Êm	Chùa đoàn	Cao Hoà	6	190	315	LUC
813	An Thị Đạt	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	191	174	LUC

814	Trần Văn Bé	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	192	552	LUC
815	An Văn Sao	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	193	424	LUC
816	An Văn Xuất	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	194	360	LUC
817	An Văn Nhất	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	195	285	LUC
818	An Thị Khuê	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	196	528	LUC
819	An Văn Triền	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	197	315	LUC
820	Trần Thị Hia	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	198	237	LUC
821	Trần Thị Thoại	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	199	315	LUC
822	An Văn Lập	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	200	454	LUC
823	An Văn Hiến	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	201	315	LUC
824	An Văn Dậu	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	202	349	LUC
825	An Văn Đồi	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	203	448	LUC
826	An Văn Khói	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	204	630	LUC
827	An Xuân Thoả	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	205	204	LUC
828	Trần Thị Hia	Chùa đoàn	Cao Hoà	7	206	1028	LUC
829	Kim Văn Bắc	Bờ Giếng	Cao Hoà	8	208	270	LUC
830	Vũ Văn Tuyền	Bờ Giếng	Cao Hoà	8	210	426	LUC
831	Vũ Văn Minh	Bờ Giếng	Cao Hoà	8	212	540	LUC
832	Vũ Văn Tuyền	Bờ Giếng	Cao Hoà	8	213	114	LUC
833	Trần Văn Khoái	Bờ Giếng	Cao Hoà	8	214	638	LUC
834	Vũ Thị Bính	Bờ Giếng	Cao Hoà	8	215	90	90
835	An Văn Cảnh	Cổng Cù	Cao Hoà	1	217	136	LUC
836	An Văn Khanh	Cổng Cù	Cao Hoà	1	218	33	LUC
837	An Minh Phẩm	Cổng Cù	Cao Hoà	1	219	170	LUC
838	Phạm Thị Hà	Cổng Cù	Cao Hoà	1	220	170	LUC
839	Phạm Thị Lượng	Cổng Cù	Cao Hoà	1	221	204	LUC
840	Đoàn Thị Trường	Cổng Cù	Cao Hoà	1	222	170	LUC
841	An Văn Quyết	Cổng Cù	Cao Hoà	1	223	133	LUC
842	Trần Thanh Bình	Cổng Cù	Cao Hoà	1	224	106	LUC
843	Nguyễn Văn Đệ	Cổng Cù	Cao Hoà	1	225	85	LUC
844	An Văn Mừng	Cổng Cù	Cao Hoà	1	226	68	LUC
845	An Văn Khôi	Cổng Cù	Cao Hoà	1	227	60	LUC
846	Nguyễn Trung Liễu	Cổng Cù	Cao Hoà	1	228	140	LUC
847	Đỗ Văn Công	Cổng Cù	Cao Hoà	1	229	136	LUC
848	An Thị Sôi	Cổng Cù	Cao Hoà	1	230	136	LUC
849	Vũ Xuân Dương	Cổng Cù	Cao Hoà	1	231	720	CLN
850	Vương Thị Tầm	Cổng Cù	Cao Hoà	1	232	360	CLN
851	An Văn Chương	Cổng Cù	Cao Hoà	2	233	396	CLN
852	An Văn Dậu	Cổng Cù	Cao Hoà	2	234	68	LUC
853	An Văn Long	Cổng Cù	Cao Hoà	2	235	170	LUC
854	An Văn Hoài	Cổng Cù	Cao Hoà	2	236	130	LUC
855	Trần Văn Vân	Cổng Cù	Cao Hoà	2	237	136	LUC
856	An Văn Tuyền	Cổng Cù	Cao Hoà	2	238	170	LUC
857	Trần Văn La	Cổng Cù	Cao Hoà	2	239	170	LUC
858	An Văn Bền	Cổng Cù	Cao Hoà	2	240	102	LUC

859	An văn Nhất	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	241	102	LUC
860	Trần Văn Khoái	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	242	204	LUC
861	An Văn Cầu	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	243	146	LUC
862	An Văn Vững N2	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	244	102	LUC
863	Trần văn Toàn	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	245	68	LUC
864	Hà Thị Cừ	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	246	68	LUC
865	Vũ Văn Minh	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	247	136	LUC
866	An Văn Tính	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	248	170	LUC
867	An Văn Tắc	Cổng Cừ	Cao Hoà	2	249	136	LUC
868	Vũ Văn Hiệp	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	250	102	LUC
869	An Văn Phiên	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	251	170	LUC
870	An Thị Đạt	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	252	68	LUC
871	Đỗ Văn Việt	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	253	170	LUC
872	Trần Văn Lương	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	254	98	LUC
873	Trần Thị Thảo	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	255	130	LUC
874	An Văn Thăng	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	256	127	LUC
875	An Văn Nền	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	257	95	LUC
876	An Văn Chảo	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	258	136	LUC
877	An Văn Châm	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	259	252	LUC
878	An Văn Lập	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	260	170	LUC
879	An Văn Mùa	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	261	136	LUC
880	An Văn Vinh	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	262	60	LUC
881	Trần Thị Diễm	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	263	170	LUC
882	Vũ Thị Ới	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	264	68	LUC
883	Kim Văn Tâm	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	265	204	LUC
884	An Văn Xuất	Cổng Cừ	Cao Hoà	3	266	270	CLN
885	An Thanh Chức	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	267	270	CLN
886	An Thanh Chức	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	268	102	LUC
887	An Văn Khôi	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	269	204	LUC
888	An Văn Dũng	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	270	170	LUC
889	An Thị Tài	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	271	170	LUC
890	Trần Văn Lực	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	272	68	LUC
891	An Văn Hiến	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	273	68	LUC
892	Đỗ Thị Chuốt	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	274	68	LUC
893	An Văn Triền	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	275	102	LUC
894	An Thị Đan	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	276	102	LUC
895	An Văn Thuý	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	277	119	LUC
896	Phạm Thị Yêu	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	278	102	LUC
897	An Văn Hình	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	279	204	LUC
898	An Văn Hương	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	280	68	LUC
899	An Thị Gái	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	281	186	LUC
900	Vũ Văn Thuận	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	282	136	LUC
901	Vũ Văn Tuyền	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	283	170	LUC
902	An Văn Rộng	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	284	136	LUC
903	Vũ Thị Dã	Cổng Cừ	Cao Hoà	4	285	200	LUC

904	Vũ Văn Ước	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	286	170	LUC
905	Trần Văn Hợp	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	287	68	LUC
906	Nguyễn Văn Đại	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	288	170	LUC
907	Nguyễn Thị Êm	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	289	102	LUC
908	Vũ Thị Tính	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	290	68	LUC
909	Trần Văn Pha	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	291	68	LUC
910	Nguyễn Xuân Núi	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	292	170	LUC
911	Nguyễn Thị Bền	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	293	102	LUC
912	Trần Xuân Biên	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	294	170	LUC
913	Đỗ Công Định	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	295	120	LUC
914	An Thị Tán	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	296	204	LUC
915	Đỗ Xuân Liệu	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	297	119	LUC
916	An Thị Duyên	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	298	136	LUC
917	An Thị Khuê	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	299	170	LUC
918	Trần Văn Bé	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	300	170	LUC
919	Phạm Thị Vịnh	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	301	68	LUC
920	Trần Quyết Tiến	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	302	170	LUC
921	Phạm Văn Tuấn	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	303	68	LUC
922	Phạm Văn Tài	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	304	34	LUC
923	An Văn Mến	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	305	68	LUC
924	An Thị Xuyên	Cổng Cừ	Cao Hoà	5	306	432	CLN
925	Trần Thị Hia	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	307	102	LUC
926	An Thị Thoại	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	308	68	LUC
927	An Văn Sao	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	309	136	LUC
928	Vũ Văn Hiệp	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	310	102	LUC
929	Trần Văn Cừ	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	311	170	LUC
930	Trần Thị Thoại	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	312	102	LUC
931	An Xuân Thoả	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	313	102	LUC
932	Trần Văn Lê	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	314	102	LUC
933	Trần Văn Quảng	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	315	170	LUC
934	An Thị Hử	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	316	170	LUC
935	Trần Văn Tám	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	317	102	LUC
936	An Văn Chương	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	318	180	LUC
937	An Thị Xuyên	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	319	170	LUC
938	Vương Thị Tâm	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	320	136	LUC
939	Trương Thị Biên	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	321	60	LUC
940	Vũ Thị Bình	Cổng Cừ	Cao Hoà	6	322	180	LUC
941	An Văn Tuyển	Đồng đen	Cao Hoà	1	324	247	LUC
942	An Thị Tán	Đồng đen	Cao Hoà	1	325	632	LUC
943	An Văn Mừng	Đồng đen	Cao Hoà	1	326	186	LUC
944	An Thanh Chức	Đồng đen	Cao Hoà	1	327	297	LUC
945	Trần Văn La	Đồng đen	Cao Hoà	1	328	600	LUC
946	Trần Văn Vân	Đồng đen	Cao Hoà	1	329	420	LUC
947	Kim Văn Tâm	Đồng đen	Cao Hoà	1	330	630	LUC
948	Kim Văn Bắc	Đồng đen	Cao Hoà	1	331	278	LUC

949	Vũ Văn Tuyến	Đồng đen	Cao Hoà	1	332	446	LUC
950	Trần Văn Khoái	Đồng đen	Cao Hoà	1	333	214	LUC
951	Vũ Thị Dã	Đồng đen	Cao Hoà	1	334	640	LUC
952	An Thị Tài	Đồng đen	Cao Hoà	1	335	803	LUC
953	Phạm Thị Yêu	Đồng đen	Cao Hoà	1	336	364	LUC
954	Trần Văn Tám	Đồng đen	Cao Hoà	1	337	315	LUC
955	Trần Văn Toàn	Đồng đen	Cao Hoà	1	338	840	LUC
956	Hà Thị Cừ	Đồng đen	Cao Hoà	1	339	410	LUC
957	Nguyễn Thị Êm	Đồng đen	Cao Hoà	1	340	1230	LUC
958	An Văn Hiến	Đồng đen	Cao Hoà	1	341	1230	LUC
959	Phạm Thị Vĩnh	Đồng đen	Cao Hoà	1	342	820	LUC
960	Trần Văn La	Đồng đen	Cao Hoà	1	343	1743	LUC
961	An Thị Đạt	Đồng đen	Cao Hoà	1	344	280	LUC
962	An Thị Yên	Đồng đen	Cao Hoà	1	345	820	LUC
963	Trần Văn Khoái	Đồng đen	Cao Hoà	1	346	1929	LUC
964	Trần Văn Lực	Đồng đen	Cao Hoà	2	347	820	LUC
965	An Văn Dậu	Đồng đen	Cao Hoà	2	348	846	LUC
966	Đỗ Công Định	Đồng đen	Cao Hoà	2	349	1435	LUC
967	An Văn Mến	Đồng đen	Cao Hoà	2	350	315	LUC
968	An Văn Muôn	Đồng đen	Cao Hoà	2	351	315	LUC
969	An Văn Dương	Đồng đen	Cao Hoà	2	352	605	LUC
970	Nguyễn Văn Chiêu	Đồng đen	Cao Hoà	2	353	1855	LUC
971	An Văn Khanh	Đồng đen	Cao Hoà	2	354	396	LUC
972	An Thị Tàn	Đồng đen	Cao Hoà	2	355	460	LUC
973	An Minh Phẩm	Đồng đen	Cao Hoà	2	356	880	LUC
974	Đỗ Thị Chuốt	Đồng đen	Cao Hoà	2	357	429	LUC
975	Nguyễn Văn Đệ	Đồng đen	Cao Hoà	2	358	462	LUC
976	An Văn Thăng	Đồng đen	Cao Hoà	2	359	146	LUC
977	Phạm Văn Tài	Đồng đen	Cao Hoà	2	360	240	LUC
978	An Văn Khanh	Đồng đen	Cao Hoà	2	361	255	LUC
979	Trần Văn Lê	Đồng đen	Cao Hoà	2	362	720	LUC
980	An Văn Cầu	Đồng đen	Cao Hoà	2	363	1275	LUC
981	An Văn Mến	Đồng đen	Cao Hoà	2	364	480	LUC
982	An Văn Tấn	Đồng đen	Cao Hoà	2	365	879	LUC
983	An Văn Vững	Đồng đen	Cao Hoà	2	366	720	LUC
984	An văn Quyết	Đồng đen	Cao Hoà	2	367	620	LUC
985	Trần Thị Thoại	Đồng đen	Cao Hoà	3	368	1230	LUC
986	Vũ Văn Ước	Đồng đen	Cao Hoà	3	369	1680	LUC
987	An Văn Vững	Đồng đen	Cao Hoà	3	370	1230	LUC
988	Nguyễn Xuân Núi	Đồng đen	Cao Hoà	3	371	2050	LUC
989	An Thanh Chức	Đồng đen	Cao Hoà	3	372	1230	LUC
990	Đình Cao Lý	Đồng đen	Cao Hoà	3	373	1188	LUC
991	An Văn Cảnh	Đồng đen	Cao Hoà	3	374	1640	LUC
992	Nguyễn Văn Đại	Đồng đen	Cao Hoà	3	375	2050	LUC
993	Vũ Văn Tuyến	Đồng đen	Cao Hoà	3	376	1258	LUC

994	Trần Quyết Tiến	Đồng đen	Cao Hoà	3	377	1849	LUC
995	Nguyễn Thị Bền	Đồng đen	Cao Hoà	3	378	1230	LUC
996	An Văn Dâu	Đồng đen	Cao Hoà	3	379	384	LUC
997	Phạm thị Yêu	Đồng đen	Cao Hoà	4	380	538	LUC
998	An Văn Sao	Đồng đen	Cao Hoà	4	381	1640	LUC
999	Đỗ Văn Việt	Đồng đen	Cao Hoà	4	382	1580	LUC
1000	An Thị Tài	Đồng đen	Cao Hoà	4	383	1468	LUC
1001	Phạm Văn Tuấn	Đồng đen	Cao Hoà	4	384	1230	LUC
1002	Trần Văn Lê	Đồng đen	Cao Hoà	4	385	1230	LUC
1003	Phạm văn Tài	Đồng đen	Cao Hoà	4	386	410	LUC
1004	Kim Văn Bắc	Đồng đen	Cao Hoà	4	387	820	LUC
1005	Vũ Thị Tính	Đồng đen	Cao Hoà	4	388	820	LUC
1006	An Văn Triền	Đồng đen	Cao Hoà	4	389	1230	LUC
1007	An Văn Khói	Đồng đen	Cao Hoà	4	390	2460	LUC
1008	An Văn Hương	Đồng đen	Cao Hoà	4	391	820	LUC
1009	An Xuân Thoả	Đồng đen	Cao Hoà	4	392	410	LUC
1010	Vũ Văn Ước	Đồng đen	Cao Hoà	4	393	370	LUC
1011	An Văn Hình	Đồng đen	Cao Hoà	5	394	2460	LUC
1012	Trần Văn Sông	Đồng đen	Cao Hoà	5	395	820	LUC
1013	An Văn Tuyền	Đồng đen	Cao Hoà	5	396	1230	LUC
1014	An Thị Đan	Đồng đen	Cao Hoà	5	397	1230	LUC
1015	Trần Văn Vân	Đồng đen	Cao Hoà	5	398	1640	LUC
1016	Trần Văn Khoái	Đồng đen	Cao Hoà	5	399	860	LUC
1017	Vũ Thị Dã	Đồng đen	Cao Hoà	5	400	2460	LUC
1018	An văn lưu	Đồng đen	Cao Hoà	5	401	1219	LUC
1019	An Văn Chuẩn	Đồng đen	Cao Hoà	5	402	424	LUC
1020	An Văn Hoài	Đồng đen	Cao Hoà	5	403	140	LUC
1021	An Thị Khuê	Đồng đen	Cao Hoà	5	404	1859	LUC
1022	An văn Dũng	Đồng đen	Cao Hoà	5	405	2085	LUC
1023	Đỗ văn Khu	Đồng đen	Cao Hoà	5	406	1230	LUC
1024	Phạm Thị Yêu	Đồng đen	Cao Hoà	5	407	692	LUC
1025	An Văn Bền	Đồng đen	Cao Hoà	5	408	1230	LUC
1026	An Thị Xuyên	Đồng đen	Cao Hoà	6	409	1864	LUC
1027	An Văn Long	Đồng đen	Cao Hoà	6	410	339	LUC
1028	Vương Thị Tâm	Đồng đen	Cao Hoà	6	411	1028	LUC
1029	An Văn Xuất	Đồng đen	Cao Hoà	6	412	1975	LUC
1030	Vũ Thị Bình	Đồng đen	Cao Hoà	6	413	1525	LUC
1031	An Văn Chào	Đồng đen	Cao Hoà	6	414	1196	LUC
1032	Phạm Thị Lượng	Đồng đen	Cao Hoà	6	415	768	LUC
1033	Đoàn Thị Trường	Đồng đen	Cao Hoà	6	416	685	LUC
1034	An Văn Công	Đồng đen	Cao Hoà	6	417	1550	LUC
1035	An Văn Nhất	Đồng đen	Cao Hoà	6	418	860	LUC
1036	Trần Văn Tám	Đồng đen	Cao Hoà	6	419	1230	LUC
1037	An Thị Thoại	Đồng đen	Cao Hoà	6	420	693	LUC
1038	Trần văn Quảng	Đồng đen	Cao Hoà	6	421	2460	LUC

1039	Vũ Văn Hiệp	Đồng đen	Cao Hoà	7	422	1230	LUC
1040	Vũ Thị Ổi	Đồng đen	Cao Hoà	7	423	295	LUC
1041	Đỗ Văn Minh	Đồng đen	Cao Hoà	7	424	820	LUC
1042	An Văn Nhất	Đồng đen	Cao Hoà	7	425	400	LUC
1043	Trần Văn Bé	Đồng đen	Cao Hoà	7	426	2352	LUC
1044	Thần Văn Cừ	Đồng đen	Cao Hoà	7	427	1487	LUC
1045	Trần Thị Thảo	Đồng đen	Cao Hoà	7	428	772	LUC
1046	An Văn Vinh	Đồng đen	Cao Hoà	7	429	449	LUC
1047	An Văn Mùa	Đồng đen	Cao Hoà	7	430	1268	LUC
1048	An Văn Cầu	Đồng đen	Cao Hoà	7	431	1035	LUC
1049	Trần Thị Diễm	Đồng đen	Cao Hoà	7	432	1495	LUC
1050	Nguyễn văn Đệ	Đồng đen	Cao Hoà	7	433	886	LUC
1051	Trương Thị Biên	Đồng đen	Cao Hoà	7	434	522	LUC
1052	An Văn Long	Đồng đen	Cao Hoà	7	435	1258	LUC
1053	An Văn Phiên	Đồng đen	Cao Hoà	8	436	1843	LUC
1054	An Minh Phẩm	Đồng đen	Cao Hoà	8	437	942	LUC
1055	An Văn Chăm	Đồng đen	Cao Hoà	8	438	3624	LUC
1056	Trần Xuân Biên	Đồng đen	Cao Hoà	8	439	1913	LUC
1057	Trần Thị Thảo	Đồng đen	Cao Hoà	8		772	LUC
1058	An Văn Rộng	Đồng đen	Cao Hoà	8	440	441	LUC
1059	Trần Văn Hợp	Đồng đen	Cao Hoà	8	441	820	LUC
1060	Đỗ Xuân Liệu	Đồng đen	Cao Hoà	8	442	1435	LUC
1061	An Thị Hừ	Đồng đen	Cao Hoà	8	443	2050	LUC
1062	Vũ Thị Ổi	Đồng đen	Cao Hoà	8	444	826	LUC
1063	An văn Lơ	Đồng trước	Cao Hoà	1	446	916,6	LUC
1064	Nguyễn Tuấn Anh Phúc	Đồng trước	Cao Hoà	1	447	3208	LUC
1065	Trần Thị Tâm	Đồng trước	Cao Hoà	1	448	1833	LUC
1066	Vũ Đình Côi	Đồng trước	Cao Hoà	1	449	916,6	LUC
1067	An Văn Pháo	Đồng trước	Cao Hoà	1	450	916,6	LUC
1068	Nguyễn Thị Hoa	Đồng trước	Cao Hoà	1	451	458,3	LUC
1069	Nguyễn Thị Nhung	Đồng trước	Cao Hoà	1	452	916,6	LUC
1070	Trần Văn Thuỷ	Đồng trước	Cao Hoà	1	453	1374,8	LUC
1071	An Văn Xã	Đồng trước	Cao Hoà	1	454	1374,8	LUC
1072	Vũ Văn Chính	Đồng trước	Cao Hoà	1	455	1374,8	LUC
1073	Nguyễn Thị Đang	Đồng trước	Cao Hoà	1	456	3664	LUC
1074	Vũ Hữu Ngạn Hoà	Đồng trước	Cao Hoà	1	457	1833	LUC
1075	Vũ Văn Tề	Đồng trước	Cao Hoà	1	458	1374,8	LUC
1076	Phạm Thị Biên	Đồng trước	Cao Hoà	1	459	1374,8	LUC
1077	Nguyễn Hữu Tước	Đồng trước	Cao Hoà	1	460	1374,8	LUC
1078	An văn Thuận	Đồng trước	Cao Hoà	2	462	594	LUC
1079	An Thị Dung Thích	Đồng trước	Cao Hoà	2	463	594	LUC
1080	An Văn Tuyên Một	Đồng trước	Cao Hoà	2	464	594	LUC
1081	Vũ Văn Minh	Đồng trước	Cao Hoà	2	465	916,6	LUC
1082	Trần Văn Hiũ	Đồng trước	Cao Hoà	2	466	1833	LUC

1083	Hoàng Thị Vững	Đồng trước	Cao Hoà	2	467	916,6	LUC
1084	Vũ Thị Ngọc	Đồng trước	Cao Hoà	2	468	458,3	LUC
1085	Nguyễn Thị Thông	Đồng trước	Cao Hoà	2	469	1833	LUC
1086	An Văn Nhã	Đồng trước	Cao Hoà	2	470	2749,7	LUC
1087	Nguyễn Văn Chung	Đồng trước	Cao Hoà	2	471	916,6	LUC
1088	Kim Văn Thổ	Đồng trước	Cao Hoà	2	472	3208	LUC
1089	An Văn Nuôi	Đồng trước	Cao Hoà	2	473	1374,5	LUC
1090	An Thị Cải Chuyên	Đồng trước	Cao Hoà	2	474	2291,4	LUC
1091	An Văn Kiên	Đồng trước	Cao Hoà	2	475	916,6	LUC
1092	Nguyễn Thị Nhung	Đồng trước	Cao Hoà	2	476	1833	LUC
1093	Vũ Văn Mê	Đồng trước	Cao Hoà	2	477	1374,8	LUC
1094	An Đăng Sáng	Đồng trước	Cao Hoà	3	478	2291,4	LUC
1095	Vũ Văn Hoan	Đồng trước	Cao Hoà	3	479	916,6	LUC
1096	Trần Văn Lại	Đồng trước	Cao Hoà	3	480	2291,4	LUC
1097	An Văn Mát	Đồng trước	Cao Hoà	3	481	1833	LUC
1098	Nguyễn Thị Nhân	Đồng trước	Cao Hoà	3	482	2291,6	LUC
1099	Kim Văn Phố	Đồng trước	Cao Hoà	3	483	458,3	LUC
1100	Nguyễn Văn Hậu	Đồng trước	Cao Hoà	3	484	916,6	LUC
1101	Lương văn Huy	Đồng trước	Cao Hoà	3	485	458,3	LUC
1102	Nguyễn Thị Hoà	Đồng trước	Cao Hoà	3	486	1374,8	LUC
1103	Vũ văn Nguyên (Bảo)	Đồng trước	Cao Hoà	3	487	916,6	LUC
1104	An Văn Cầu	Đồng trước	Cao Hoà	3	488	916,6	LUC
1105	Vũ Văn Công	Đồng trước	Cao Hoà	3	489	916,6	LUC
1106	Nguyễn Văn Thám	Đồng trước	Cao Hoà	3	490	1374,8	LUC
1107	An Văn Thống	Đồng trước	Cao Hoà	3	491	916,6	LUC
1108	Phạm Văn Minh	Đồng trước	Cao Hoà	3	492	1374,8	LUC
1109	An Văn Tú	Đồng trước	Cao Hoà	4	493	2038	LUC
1110	Phạm Thị Yển	Đồng trước	Cao Hoà	4	494	601	LUC
1111	Phạm Thị Ngừng	Đồng trước	Cao Hoà	4	495	1374,8	LUC
1112	Nguyễn Thị Mạn	Đồng trước	Cao Hoà	4	496	916,6	LUC
1113	An Văn Kết Đề	Đồng trước	Cao Hoà	4	497	916,6	LUC
1114	Kim Văn Tám	Đồng trước	Cao Hoà	4	498	1374,8	LUC
1115	Phạm văn Hương	Đồng trước	Cao Hoà	4	499	1374,8	LUC
1116	Vũ Văn Đạt	Đồng trước	Cao Hoà	4	500	916,6	LUC
1117	Nguyễn Văn Khắc	Đồng trước	Cao Hoà	4	501	1374,8	LUC
1118	Kim Nhật Phương	Đồng trước	Cao Hoà	4	502	916,6	LUC
1119	Nguyễn Thị Lý Hào	Đồng trước	Cao Hoà	4	503	2291	LUC
1120	Trần Văn Lạng Múa	Đồng trước	Cao Hoà	4	504	916,6	LUC
1121	Nguyễn Văn Tiếp	Đồng trước	Cao Hoà	4	505	916,6	LUC
1122	Công điền UBND	Đồng trước	Cao Hoà	4	506	216	LUC
1123	An Văn Thống	Đồng trước	Cao Hoà	5	507	916,6	LUC
1124	Nguyễn Đăng Soái	Đồng trước	Cao Hoà	5	508	1374,5	LUC
1125	Lương Xuân Duyên	Đồng trước	Cao Hoà	5	509	1833	LUC
1126	Lương Văn Thuỳ	Đồng trước	Cao Hoà	5	510	916,6	LUC
1127	Trần Thị Quỳnh	Đồng trước	Cao Hoà	5	511	1374,8	LUC

1128	An Văn Ngoãn	Đồng trước	Cao Hoà	5	512	916,6	LUC
1129	An Văn Cảnh	Đồng trước	Cao Hoà	5	513	458	LUC
1130	Đinh Thị Bội	Đồng trước	Cao Hoà	5	514	2749,7	LUC
1131	Phạm Thị Ngừng	Đồng trước	Cao Hoà	5	515	916,6	LUC
1132	An Văn Cảnh	Đồng trước	Cao Hoà	5	516	916,6	LUC
1133	Phạm Thị Lân	Đồng trước	Cao Hoà	5	517	1374,8	LUC
1134	An Thị Thu Kha	Đồng trước	Cao Hoà	6	518	137,2	LUC
1135	Trần Văn Thuỷ	Đồng trước	Cao Hoà	6	519	91,5	LUC
1136	Nguyễn Thị Nhung	Đồng trước	Cao Hoà	6	520	228,6	LUC
1137	An Thị Mùa	Đồng trước	Cao Hoà	6	521	182,9	LUC
1138	An Văn Tằng	Đồng trước	Cao Hoà	6	522	228,6	LUC
1139	An Văn Thuận	Đồng trước	Cao Hoà	6	523	91,5	LUC
1140	Nguyễn Thị Nhân	Đồng trước	Cao Hoà	6	524	228,6	LUC
1141	An Văn Tiến	Đồng trước	Cao Hoà	6	525	228,6	LUC
1142	Vũ Văn Bồng	Đồng trước	Cao Hoà	6	526	182,9	LUC
1143	Vũ văn Màu	Đồng trước	Cao Hoà	6	527	182,9	LUC
1144	An Văn Ngoãn	Đồng trước	Cao Hoà	6	528	91,5	LUC
1145	Phạm Thị Biên	Đồng trước	Cao Hoà	6	529	182,9	LUC
1146	Hoàng Thị Vững	Đồng trước	Cao Hoà	6	530	91,5	LUC
1147	Nguyễn Thị Hoa	Đồng trước	Cao Hoà	6	531	91,5	LUC
1148	Phạm Văn Khởi	Đồng trước	Cao Hoà	6	532	182,9	LUC
1149	An Văn Chúc	Đồng trước	Cao Hoà	6	533	228,6	LUC
1150	Lương Văn Thuỷ	Đồng trước	Cao Hoà	6	534	91,5	LUC
1151	Lương Xuân Duyên	Đồng trước	Cao Hoà	6	535	182,9	LUC
1152	An Văn Lập	Đồng trước	Cao Hoà	6	536	228,6	LUC
1153	Vũ Văn Đăm	Đồng trước	Cao Hoà	6	537	182,9	LUC
1154	An văn Thống	Đồng trước	Cao Hoà	6	538	274	LUC
1155	An Văn Kiên	Đồng trước	Cao Hoà	6	539	91,5	LUC
1156	Nguyễn Thị Thông	Đồng trước	Cao Hoà	6	540	182,9	LUC
1157	An Văn Tuyên Một	Đồng trước	Cao Hoà	6	541	137	LUC
1158	An Văn Nhã	Đồng trước	Cao Hoà	6	542	274	LUC
1159	Nguyễn Hữu Tước	Đồng trước	Cao Hoà	6	543	182,9	LUC
1160	Vũ văn Nguyên (Bảo)	Đồng trước	Cao Hoà	6	544	137	LUC
1161	An Văn Lạng (Đồng)	Đồng trước	Cao Hoà	6	545	366	LUC
1162	Kim văn Tám	Đồng trước	Cao Hoà	6	546	137	LUC
1163	An văn Thắng Đáo	Đồng trước	Cao Hoà	6	547	91,5	LUC
1164	Nguyễn Thị Mân	Đồng trước	Cao Hoà	6	548	91,5	LUC
1165	An Văn Kết Đề	Đồng trước	Cao Hoà	6	549	91,5	LUC
1166	Phạm Thị Ngừng	Đồng trước	Cao Hoà	6	550	274	LUC
1167	Trần Văn Bảo	Đồng trước	Cao Hoà	6	551	228,6	LUC
1168	Nguyễn Văn Tuân Xê	Đồng trước	Cao Hoà	6	552	182,9	LUC
1169	Vũ Đình Côi	Đồng trước	Cao Hoà	6	553	182,9	LUC
1170	An Thị Dung Thích	Đồng trước	Cao Hoà	6	554	137	LUC
1171	Phạm Văn Bình	Đồng trước	Cao Hoà	6	555	91,5	LUC
1172	Vũ Hữu Ngạn Hoà	Đồng trước	Cao Hoà	6	556	412	LUC

1173	Kim Xuân Thuật	Đồng trước	Cao Hoà	6	557	91,5	LUC
1174	Nguyễn Văn Hậu	Đồng trước	Cao Hoà	6	558	91,5	LUC
1175	Nguyễn Thị Đăng	Đồng trước	Cao Hoà	6	559	182,9	LUC
1176	An Văn Xã	Đồng trước	Cao Hoà	6	560	137	LUC
1177	An văn Lơ	Đồng trước	Cao Hoà	6	561	137	LUC
1178	Vũ Văn Kiên	Đồng trước	Cao Hoà	6	562	137	LUC
1179	Kim Văn Thủy	Đồng trước	Cao Hoà	6	563	137	LUC
1180	Kim Văn Núi	Đồng trước	Cao Hoà	6	564	91,5	LUC
1181	Vũ Văn Mê	Đồng trước	Cao Hoà	6	565	137	LUC
1182	An Thị Thủy Cẩn	Đồng trước	Cao Hoà	6	566	137	LUC
1183	Phạm Văn Minh	Đồng trước	Cao Hoà	6	567	137	LUC
1184	Nguyễn Đăng Soái	Đồng trước	Cao Hoà	6	568	182,9	LUC
1185	Vũ Văn nghị	Đồng trước	Cao Hoà	6	569	182,9	LUC
1186	Vũ Văn Doan	Đồng trước	Cao Hoà	6	570	137,9	LUC
1187	Trần Ngọc Chinh	Đồng trước	Cao Hoà	6	571	91,5	LUC
1188	An văn Cầu	Đồng trước	Cao Hoà	6	572	91,5	LUC
1189	Nguyễn Thị Hợp	Đồng trước	Cao Hoà	6	573	137	LUC
1190	Vũ Văn Công	Đồng trước	Cao Hoà	6	574	91,5	LUC
1191	Trần Văn Hiũ	Đồng trước	Cao Hoà	6	575	182,9	LUC
1192	Vũ Thanh Tâm	Đồng trước	Cao Hoà	6	576	228,6	LUC
1193	An Văn Tiến Sợi	Đồng trước	Cao Hoà	6	577	182,9	LUC
1194	Kim Văn Thố	Đồng trước	Cao Hoà	6	578	320	LUC
1195	Kim Văn Phố	Đồng trước	Cao Hoà	6	579	45,7	LUC
1196	An Văn Quân	Đồng trước	Cao Hoà	6	580	182,9	LUC
1197	Nguyễn Thị Lý Hào	Đồng trước	Cao Hoà	6	581	228,6	LUC
1198	An Văn Mật	Đồng trước	Cao Hoà	6	582	182,9	LUC
1199	Nguyễn Thị Nghĩa Thái	Đồng trước	Cao Hoà	6	583	228,6	LUC
1200	An Văn Nền	Đồng trước	Cao Hoà	6	584	91,5	LUC
1201	An Thị Lánh	Đồng trước	Cao Hoà	6	585	137	LUC
1202	Nguyễn Văn Thám	Đồng trước	Cao Hoà	6	586	137	LUC
1203	Vũ Thị La Thất	Đồng trước	Cao Hoà	6	587	274	LUC
1204	Kim Nhật Phương	Đồng trước	Cao Hoà	6	588	91,5	LUC
1205	Vũ Văn Minh	Đồng trước	Cao Hoà	6	589	91,5	LUC
1206	Đinh Thị Bộp	Đồng trước	Cao Hoà	6	590	274	LUC
1207	An Đăng Sáng	Đồng trước	Cao Hoà	6	591	228,6	LUC
1208	Vũ Thị Soạn	Đồng trước	Cao Hoà	6	592	182,9	LUC
1209	Vũ Văn Định Kết	Đồng trước	Cao Hoà	6	593	182,9	LUC
1210	Vũ Văn Đạt	Đồng trước	Cao Hoà	6	594	91,5	LUC
1211	Bùi Thị Với Viên	Đồng trước	Cao Hoà	6	595	182,9	LUC
1212	Vũ Văn hạnh	Đồng trước	Cao Hoà	6	596	91,5	LUC
1213	An Văn Tú	Đồng trước	Cao Hoà	6	597	182,9	LUC
1214	Nguyễn Thị Gái Phấn	Đồng trước	Cao Hoà	6	598	137	LUC
1215	Nguyễn Tuấn Anh Phúc	Đồng trước	Cao Hoà	6	599	320	LUC

1216	Trần Thị Tâm	Đồng trước	Cao Hoà	6	600	182,9	LUC
1217	Vũ Văn Chính	Đồng trước	Cao Hoà	6	601	137	LUC
1218	Vũ văn Nguyên (Bảo)	Đồng trước	Cao Hoà	6	602	91,5	LUC
1219	Nguyễn Văn Chung	Đồng trước	Cao Hoà	6	603	91,5	LUC
1220	An Văn Nuôi	Đồng trước	Cao Hoà	6	604	137	LUC
1221	Vũ Văn Tề	Đồng trước	Cao Hoà	6	605	182,9	LUC
1222	Vũ Văn Khanh	Đồng trước	Cao Hoà	6	606	182,9	LUC
1223	An Thị Hương Đại	Đồng trước	Cao Hoà	6	607	228,6	LUC
1224	Lương Văn Học Xiêm	Đồng trước	Cao Hoà	6	608	228,6	LUC
1225	An văn Mát	Đồng trước	Cao Hoà	6	609	182,9	LUC
1226	An Văn Mưa	Đồng trước	Cao Hoà	6	610	228,6	LUC
1227	Nguyễn Văn Khắc	Đồng trước	Cao Hoà	6	611	182,9	LUC
1228	Nguyễn Văn Tiệp	Đồng trước	Cao Hoà	6	612	91,5	LUC
1229	Hà Thị Gái Chiến	Đồng trước	Cao Hoà	6	613	228,6	LUC
1230	An Văn Pháo	Đồng trước	Cao Hoà	6	614	91,5	LUC
1231	An Văn Huyện	Đồng trước	Cao Hoà	6	615	228,6	LUC
1232	An Thị Cải Chuyên	Đồng trước	Cao Hoà	6	616	228,6	LUC
1233	Trần Thị Quỳnh	Đồng trước	Cao Hoà	6	617	137	LUC
1234	An Văn Thoả Phiến	Đồng trước	Cao Hoà	6	618	320	LUC
1235	An Đình Văn	Đồng trước	Cao Hoà	6	619	137	LUC
1236	Nguyễn Thị Đang	Đồng trước	Cao Hoà	6	620	137	LUC
1237	An Văn Cảnh	Đồng trước	Cao Hoà	6	621	137	LUC
1238	Nguyễn Thị Thuý Át	Đồng trước	Cao Hoà	6	622	137	LUC
1239	Vũ Văn Khánh	Đồng trước	Cao Hoà	6	623	91,5	LUC
1240	Trần Văn Lại	Đồng trước	Cao Hoà	6	624	228,6	LUC
1241	Phạm Thị Lên	Đồng trước	Cao Hoà	6	625	137	LUC
1242	An Thị Dương	Đồng trước	Cao Hoà	6	626	137	LUC
1243	Nguyễn Thị Hoà	Đồng trước	Cao Hoà	5	627	137	LUC
1244	Lương Văn Huy	Đồng trước	Cao Hoà	6	628	45,7	LUC
1245	An Thị Hoa Đăng	Đồng trước	Cao Hoà	6	629	137	LUC
1246	Trần Văn Cao	Đồng trước	Cao Hoà	6	630	182,9	LUC
1247	Trần Văn Lạng Múa	Đồng trước	Cao Hoà	6	631	91,5	LUC
1248	An Văn Phước	Đồng trước	Cao Hoà	6	632	182,9	LUC
1249	Phạm Văn Hưởng	Đồng trước	Cao Hoà	6	633	137	LUC
1250	Vũ Văn Hùng	Đồng trước	Cao Hoà	6	634	137	LUC
1251	Vũ Văn Hoan	Đồng trước	Cao Hoà	6	635	91,5	LUC
1252	Vũ Thị Ngọc	Đồng trước	Cao Hoà	5	636	91,5	LUC
1253	Duy	Gốc Xanh N4	Cao Hoà	1	638	1245,6	LUC
1254	Giá	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	639	622,8	LUC
1255	Trần Mạnh Nhường	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	640	1245,6	LUC
1256	An Xuân Hùng	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	641	622,8	LUC
1257	An Xuân Hùng Đản	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	642	622,8	LUC
1258	Luôn + Bôi	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	643	1245,6	LUC
1259	Nội	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	644	622,8	LUC
1260	Vũ văn Khương hường	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	645	622,8	LUC

1261	Phạm thanh Huyền	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	646	329,4	LUC
1262	An Đăng Sáng Khôi	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	647	329,4	LUC
1263	Vũ Hữu Ngạn	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	648	329,4	LUC
1264	Lưu Thị Quyên	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	649	1814,5	LUC
1265	Phạm văn Thông	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	650	2177,4	LUC
1266	An Thị Đàm	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	651	362,9	LUC
1267	Phạm Thị Liên	Gốc Xanh	Cao Hoà	1	652	1088,7	LUC
1268	Trần Thị hiền	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	653	362,9	LUC
1269	An Văn Điều	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	654	144	LUC
1270	An văn Hiến	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	655	57,6	LUC
1271	An Văn Viên	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	656	86,4	LUC
1272	An Thị lượt	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	657	57,6	LUC
1273	An Văn Quá	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	658	115,2	LUC
1274	An Văn Thương	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	659	144	LUC
1275	Phạm Thanh Tuấn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	660	86,4	LUC
1276	Trần văn Kết	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	661	172	LUC
1277	An Văn Khoát	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	662	201,6	LUC
1278	Phạm Văn tới	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	663	115,2	LUC
1279	Bùi Thị Ngoan	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	664	144	LUC
1280	An văn Tồn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	665	86,4	LUC
1281	An văn tàu	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	666	144	LUC
1282	An Đăng Số	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	667	115,2	LUC
1283	Chánh	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	668	57,6	LUC
1284	An văn Giêng	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	669	86,4	LUC
1285	An Thị Ngát	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	670	144	LUC
1286	An Văn Giêng Thung	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	671	115,2	LUC
1287	An Văn Hưng	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	672	57,6	LUC
1288	An văn Quỳnh	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	673	115,2	LUC
1289	An Văn Sơn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	674	144	LUC
1290	Ồ	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	675	115,2	LUC
1291	An văn Quyết Dũng	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	676	144	LUC
1292	An văn Tuyển	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	677	144	LUC
1293	An văn Mỹ Uyên	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	678	86,4	LUC
1294	An Văn Tĩnh	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	679	86,4	LUC
1295	Trần Thị Thềm	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	680	115,2	LUC
1296	Tường	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	681	57,6	LUC
1297	Vũ văn Khương Hường	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	682	57,6	LUC
1298	Vũ Văn Ôi	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	683	115,2	LUC
1299	Trần Thị Tiú (Đầy)	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	684	201,6	LUC
1300	Vũ Xuân Đình	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	685	144	LUC
1301	Trần Văn Giáo	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	686	115,2	LUC
1302	Trần Văn Tác	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	687	115,2	LUC
1303	An Thị Hà bắc	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	688	230,4	LUC
1304	Đỗ Văn Năm	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	689	144	LUC

1305	An văn Phước	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	690	57,6	LUC
1306	An Văn Phước	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	691	57,6	LUC
1307	An Văn Phưởng	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	692	57,6	LUC
1308	Kim văn Sông	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	693	144	LUC
1309	Trần Văn Doan	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	694	201,6	LUC
1310	An Văn Thắm	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	695	115,2	LUC
1311	Phạm Văn Vinh	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	696	86,4	LUC
1312	An Văn Đàm	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	697	86,4	LUC
1313	An Văn Lường	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	698	144	LUC
1314	Phạm Thị Liên	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	699	86,4	LUC
1315	Bùi Xuân Minh	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	700	57,6	LUC
1316	Trần Thị Hiền	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	701	57,6	LUC
1317	Lưu Thị Quyên	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	702	144	LUC
1318	An Văn Liễu	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	703	144	LUC
1319	Trần Văn Thái	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	704	144	LUC
1320	Phạm Văn Thống	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	705	172,8	LUC
1321	An Xuân Tuấn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	706	144	LUC
1322	Trần văn Toan	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	707	259,2	LUC
1323	Bùi Văn Tiếp	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	708	57,6	LUC
1324	Trần Văn Lũy	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	709	57,6	LUC
1325	Trần Mạnh Nhường	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	710	144	LUC
1326	An Thị Hoàn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	711	201,6	LUC
1327	Vũ Văn Bờ	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	712	201,6	LUC
1328	Phạm Văn Tiến	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	713	86,4	LUC
1329	An Văn Từ	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	714	86,4	LUC
1330	Trần Văn Hoãn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	715	28,8	LUC
1331	An Văn Tám	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	716	144	LUC
1332	Trần Văn Nam	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	717	144	LUC
1333	Bùi Văn Văn	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	718	115,2	LUC
1334	Bùi Văn Long	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	719	144	LUC
1335	Nguyễn Thị Thảo	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	720	72	LUC
1336	An văn Thắm	Gốc Xanh	Cao Hoà	2	721	1451,6	LUC
1337	An Văn Lường	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	722	1814,5	LUC
1338	An văn Liễu	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	723	1814,5	LUC
1339	Bùi Văn Minh	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	724	725,8	LUC
1340	Trần Văn Thái	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	725	1814,5	LUC
1341	An Thị Đàm	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	726	725,8	LUC
1342	Phạm Văn Minh	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	727	1088,7	LUC
1343	An Văn Đại	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	728	1088,7	LUC
1344	Trần Thị Hiền	Gốc Xanh	Cao Hoà	3	729	362,9	LUC
1345	Bùi Văn Văn	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	730	362,9	LUC
1346	Vũ Văn Bờ	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	731	2540,3	LUC
1347	Trần Văn Nam	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	732	1814,5	LUC
1348	An Văn Tám	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	733	1814,5	LUC
1349	Trần Văn Hoãn	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	734	362,9	LUC

1350	Phạm Văn Tiến	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	735	1088,7	LUC
1351	Bùi Văn Tiếp	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	736	725,8	LUC
1352	Bùi Văn Long	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	737	1814,5	LUC
1353	An Văn Từ	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	738	1088,7	LUC
1354	An Văn Tuấn	Gốc Xanh	Cao Hoà	4	739	1814,5	LUC
1355	Trần Văn Đoan	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	740	2077,4	LUC
1356	Vũ Xuân Đình	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	741	362,9	LUC
1357	Trần Văn Toạn	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	742	3266,1	LUC
1358	An Văn Sơn	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	743	1088,7	LUC
1359	Trần Thị Thềm	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	744	1451,7	LUC
1360	An Văn Tĩnh	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	745	1088,7	LUC
1361	Ỗi	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	746	1451,6	LUC
1362	An Thị Hoàn Ngoãn	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	747	2540,3	LUC
1363	Trần Văn Lũy	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	748	725,8	LUC
1364	Bùi Văn Văn	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	749	1088,7	LUC
1365	An Văn Tuyên	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	6	750	3376,7	LUC
1366	Trần Văn Đoan	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	6	751	362,9	LUC
1367	Trần Mạnh Nhường	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	6	752	1088,7	LUC
1368	An Văn Khoát	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	6	753	2540,2	LUC
1369	Vũ Xuân Đình	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	6	754	1451,6	LUC
1370	Trần Thị Liu Đây	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	6	755	2540,3	LUC
1371	Trần Văn Toạn	Đồng Tàu N4	Cao Hoà	5	756	362,9	LUC
1372	Vũ Văn Giới	Đồng tàu N3	Cao Hoà	7	757	2070	LUC
1373	An Văn lên	Đồng Tàu N3	Cao Hoà	7	758	3312	LUC
1374	Phạm Thị Quyền	Đồng Tàu N3	Cao Hoà	7	759	2070	LUC
1375	An Văn Vinh	Đồng Tàu N3	Cao Hoà	7	760	1242	LUC
1376	Đinh Văn Lạng	Đồng Tàu N3	Cao Hoà	7	761	2484	LUC
1377	An Thị Mươi	Đồng Lác N3	Cao Hoà	1	762	1656	LUC
1378	Nguyễn Văn Miên	Đồng Lác N3	Cao Hoà	1	763	1242	LUC
1379	Trần Thị Ha	Đồng Lác N3	Cao Hoà	1	764	1242	LUC
1380	Vũ Văn Đê	Đồng Lác N3	Cao Hoà	1	765	2070	LUC
1381	An Văn Sơn	Đồng Lác N3	Cao Hoà	1	766	2484	LUC
1382	An Văn Bông	Đồng Lác N3	Cao Hoà	2	769	1656	LUC
1383	An Thị Vê	Đồng Lác N3	Cao Hoà	2	770	414	LUC
1384	Trần Văn Tập	Đồng Lác N3	Cao Hoà	2	771	2070	LUC
1385	Đinh Văn Sáng	Đồng Lác N3	Cao Hoà	2	772	828	LUC
1386	Trần Ngọc Bình	Đồng Lác N3	Cao Hoà	2	773	828	LUC
1387	Phạm Văn Mão	Đồng Lác N3	Cao Hoà	3	774	2070	LUC
1388	An Văn Trình	Đồng Lác N3	Cao Hoà	3	775	1242	LUC
1389	Phạm Văn Tuyên	Đồng Lác N3	Cao Hoà	3	776	2424	LUC
1390	Trần Thị Nhẫn	Đồng Lác N3	Cao Hoà	3	777	414	LUC
1391	Nguyễn Văn Nguyên	Đồng Lác N3	Cao Hoà	3	778	1656	LUC
1392	An Văn Cường	Đồng Lác N3	Cao Hoà	3	779	828	LUC
1393	Nguyễn Xuân Nhung	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	782	828	LUC
1394	An Văn Tôn	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	783	2428	LUC

1395	An Thị Đua	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	784	1035	LUC
1396	Trần Thị Liễu	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	785	414	LUC
1397	An Văn Định	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	786	1656	LUC
1398	An Văn Biên	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	787	2070	LUC
1399	Đỗ Thị Sáo	Đồng Lác N3	Cao Hoà	4	788	1242	LUC
1400	Nguyễn Xuân Nhung	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	789	749	LUC
1401	Trần Thị hà	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	790	749	LUC
1402	Vũ Thị Hoá	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	791	749	LUC
1403	An Văn Tôn	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	792	666	LUC
1404	An Thị Vê	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	793	216	LUC
1405	Trần Văn Tập	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	794	1080	LUC
1406	Đinh Văn Sáng	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	795	432	LUC
1407	Trần Văn Bình	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	796	432	LUC
1408	Phạm Văn Mão	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	797	1080	LUC
1409	An Văn Trình	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	798	648	LUC
1410	Phạm Văn Tuyên	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	799	1134	LUC
1411	Trần Thị Nhẫn	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	800	216	LUC
1412	Nguyễn Văn Nguyên	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	801	720	LUC
1413	An Thị Đua	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	802	468	LUC
1414	Trần Thị Liễu	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	5	803	216	LUC
1415	An Văn Hiệu	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	804	216	LUC
1416	An Thị Nở	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	805	1512	LUC
1417	An Xuân Hùng	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	806	2189	LUC
1418	Nguyễn Xuân Nhung	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	807	1296	LUC
1419	An Văn Bình	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	808	432	LUC
1420	An Văn Dũng	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	809	432	LUC
1421	An Văn Tre	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	810	864	LUC
1422	Nguyễn Thị Thơm	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	811	648	LUC
1423	Nguyễn Thị Thuý	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	812	432	LUC
1424	An Thị Gấm	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	813	648	LUC
1425	An Văn Ngự	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	814	1080	LUC
1426	Vũ Văn Thuý	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	815	1080	LUC
1427	An Văn Mạo	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	816	1080	LUC
1428	An văn Tiếp	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	817	432	LUC
1429	An Văn Gạt	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	6	818	1080	LUC
1430	Trần Văn Giáo	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	1	819	360	CLN
1431	An văn Biên	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	1	820	936	CLN
1432	An văn Hùng Tường	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	1	821	932	CLN
1433	An văn Hùng Thảo	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	1	822	1131	LUC
1434	An Văn Tuyền	Bãi Bằng N4	Cao Hoà	1	823	504	LUC
1435	An Văn Chương Tám	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	824	648	LUC
1436	An Văn Dương	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	825	464	LUC

1437	An Thị Nga	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	826	288	LUC
1438	An Văn Nhất	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	827	360	LUC
1439	Vũ Thị Tạc	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	828	1019	LUC
1440	Vũ Thị Khen	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	829	695	LUC
1441	An Văn Tiến Lượn	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	830	414	LUC
1442	An Văn Tiến Lượn	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	831	666	CLN
1443	Vũ Thị Tạc	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	832	360	CLN
1444	Vũ Thị Khen	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	833	360	CLN
1445	An Văn Nhất	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	2	834	360	CLN
1446	An Thị Nga	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	835	144	LUC
1447	An Văn Dương	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	836	400	LUC
1448	Nguyễn Thị Nga	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	837	940	LUC
1449	Nguyễn Xuân Nhung	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	838	864	LUC
1450	Đỗ Văn Chảo	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	839	1296	LUC
1451	An Văn Tác	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	840	648	LUC
1452	An Văn lơ	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	841	648	LUC
1453	An Văn Chương Tám	Cổng Xóm N3	Cao Hoà	3	842	432	LUC
1454	An văn Thuý	Đồng định N3	Cao Hoà	1	843	108	LUC
1455	Phạm Văn Mão	Đồng định N3	Cao Hoà	1	844	180	LUC
1456	Nguyễn Thị Hoá	Đồng định N3	Cao Hoà	1	845	108	LUC
1457	An Văn Định	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	846	144	LUC
1458	An Văn Vinh	Đồng định N3	Cao Hoà	1	847	108	LUC
1459	An văn Thắng	Đồng định N3	Cao Hoà	1	848	72	LUC

1460	An văn Dương	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	849	144	LUC
1461	An Văn Dương	Đồng định N3	Cao Hoà	1	850	18	LUC
1462	An Văn Tre	Đồng định N3	Cao Hoà	1	851	144	LUC
1463	An Thị Nờ	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	852	252	LUC
1464	Đinh Văn Lạng	Đồng định N3	Cao Hoà	1	853	216	LUC
1465	Đinh Văn Sáng	Đồng định N3	Cao Hoà	1	854	72	LUC
1466	Nguyễn Văn Miên	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	855	108	LUC
1467	Vũ Văn Thuỷ	Đồng định N3	Cao Hoà	1	856	180	LUC
1468	Vũ Thị Thương	Đồng định N3	Cao Hoà	1	857	144	LUC
1469	Nguyễn Văn Nguyên	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	858	144	LUC
1470	An Văn Nhất	Đồng định N3	Cao Hoà	1	859	144	LUC
1471	An Văn Chương	Đồng định N3	Cao Hoà	1	860	180	LUC
1472	An Thị Mười	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	861	144	LUC
1473	Nguyễn Xuân Nhung	Đồng định N3	Cao Hoà	1	862	216	LUC
1474	Đỗ Thị Sáo	Đồng định N3	Cao Hoà	1	863	108	LUC
1475	An Thị Vè	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	864	36	LUC
1476	An Thị Nga	Đồng định N3	Cao Hoà	1	865	72	LUC
1477	An Văn Tá	Đồng định N3	Cao Hoà	1	866	72	LUC
1478	An Xuân Hùng	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	867	360	LUC
1479	An Văn Cường	Đồng định N3	Cao Hoà	1	868	72	LUC
1480	An Văn Tác	Đồng định N3	Cao Hoà	1	869	108	LUC
1481	An Văn Biên	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	870	216	LUC

1482	Vũ Thị Tạc	Đồng định N3	Cao Hoà	1	871	216	LUC
1483	Trần Thị Ha	Đồng định N3	Cao Hoà	1	872	108	LUC
1484	An Văn Bông	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	873	144	LUC
1485	An Văn Quang	Đồng định N3	Cao Hoà	1	874	108	LUC
1486	An Văn Lên	Đồng định N3	Cao Hoà	1	875	288	LUC
1487	Nguyễn Thị Nga	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	876	144	LUC
1488	An Văn Sơn	Đồng định N3	Cao Hoà	1	877	216	LUC
1489	An Văn Đạo	Đồng định N3	Cao Hoà	1	878	180	LUC
1490	An văn Tiếp	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	879	72	LUC
1491	Đỗ Văn Chảo	Đồng định N3	Cao Hoà	1	880	216	LUC
1492	An Văn Hiệu	Đồng định N3	Cao Hoà	1	881	180	LUC
1493	An Văn Luận	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	882	108	LUC
1494	An Văn Mạo	Đồng định N3	Cao Hoà	1	883	108	LUC
1495	An Văn Thắng	Đồng định N3	Cao Hoà	1	884	108	LUC
1496	Trần Ngọc Chinh	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	885	144	LUC
1497	Trần Ngọc Bình	Đồng định N3	Cao Hoà	1	886	72	LUC
1498	An Văn Tôn	Đồng định N3	Cao Hoà	1	887	216	LUC
1499	Vũ Văn Đê	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	888	180	LUC
1500	Phạm Thị Quyên	Đồng định N3	Cao Hoà	1	889	180	LUC
1501	Vũ Thị Khen	Đồng định N3	Cao Hoà	1	890	180	LUC
1502	Trần Thị Liễu	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	891	36	LUC
1503	Trần Thị Nhẫn	Đồng định N3	Cao Hoà	1	892	36	LUC

1504	An Thị Gấm	Đồng định N3	Cao Hoà	1	893	108	LUC
1505	An văn Hùng Tường	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	894	360	LUC
1506	An Văn Tiến	Đồng định N3	Cao Hoà	1	895	180	LUC
1507	Nguyễn Thị Nhung	Đồng định N3	Cao Hoà	1	896	144	LUC
1508	An Văn trình	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	897	108	LUC
1509	An Văn Chính	Đồng định N3	Cao Hoà	1	898	108	LUC
1510	An Văn Ngự	Đồng định N3	Cao Hoà	1	899	180	LUC
1511	Vũ Văn Tường	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	900	144	LUC
1512	Vũ Văn Giỏi	Đồng định N3	Cao Hoà	1	901	180	LUC
1513	Nguyễn Thị thủy	Đồng định N3	Cao Hoà	1	902	72	LUC
1514	An Văn Gạt	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	903	180	LUC
1515	An Thanh tuyến	Đồng định N3	Cao Hoà	1	904	144	LUC
1516	An Văn Lơ	Đồng định N3	Cao Hoà	1	905	108	LUC
1517	Trần Xuân Tập	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	906	180	LUC
1518	Nguyễn Xuân Trung	Đồng định N3	Cao Hoà	1	907	72	LUC
1519	Vũ Văn Phó	Đồng định N3	Cao Hoà	1	908	180	LUC
1520	Phạm Thị Tươi	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	909	180	LUC
1521	An Văn Bình	Đồng định N3	Cao Hoà	1	910	72	LUC
1522	An Văn Dũng	Đồng định N3	Cao Hoà	1	911	72	LUC
1523	An Thị Đua	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	912	90	LUC
1524	Phạm Văn Tuyên	Đồng định N3	Cao Hoà	1	913	216	LUC
1525	Nguyễn Thị Thom	Đồng định N3	Cao Hoà	1	914	108	LUC

1526	Đỗ Thị Sáo	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	915	648	LUC
1527	Nguyễn Thị Hoá	Đồng định N3	Cao Hoà	1	916	306	LUC
1528	An Văn Biên	Đồng định N3	Cao Hoà	1	917	774	LUC
1529	An Văn Định	Đồng định N 3	Cao Hoà	1	918	699	LUC
1530	An văn Lường	Đồng định N4	Cao Hoà	2	919	1044	LUC
1531	An văn Liễu	Đồng định N4	Cao Hoà	2	920	1044	LUC
1532	Bùi Văn Minh	Đồng định N4	Cao Hoà	2	921	381,6	LUC
1533	Trần Văn Thái	Đồng định N4	Cao Hoà	2	922	1044	LUC
1534	An Thị Đàm	Đồng định N4	Cao Hoà	2	923	556,4	LUC
1535	An Văn Đại	Đồng định N4	Cao Hoà	2	924	626,4	LUC
1536	Phạm Văn Vinh	Đồng định N4	Cao Hoà	2	925	626,4	LUC
1537	Phạm Thị Liên	Đồng định N4	Cao Hoà	2	926	626,4	LUC
1538	Phạm Văn Thống	Đồng định N4	Cao Hoà	2	927	1252,8	LUC
1539	Lưu Thị Quyên	Đồng định N4	Cao Hoà	2	928	1044	LUC
1540	Trần Thị Hiền	Đồng định N4	Cao Hoà	2	929	417,6	LUC
1541	An Văn Tuấn	Đồng định N4	Cao Hoà	2	930	1044	LUC
1542	An Văn Thắm	Đồng định N4	Cao Hoà	2	931	835,2	LUC
1543	An Văn Giêng	Đồng định N4	Cao Hoà	3	932	315	LUC
1544	An Văn Sơn	Đồng định N4	Cao Hoà	3	933	1044	LUC
1545	Trần Thị Thềm	Đồng định N4	Cao Hoà	3	934	435,6	LUC
1546	An Văn Tĩnh	Đồng định N4	Cao Hoà	3	935	514,8	LUC
1547	Ồi	Đồng định N4	Cao Hoà	3	936	835,2	LUC

1548	An Thị Hoàn	Đổng định N4	Cao Hoà	3	937	1425,6	LUC
1549	Trần Văn Lũy	Đổng định N4	Cao Hoà	3	938	417,6	LUC
1550	Vũ Văn Bờ	Đổng định N4	Cao Hoà	3	939	1418,4	LUC
1551	Bùi Văn Văn	Đổng định N4	Cao Hoà	3	940	835,2	LUC
1552	Trần Văn Nam	Đổng định N4	Cao Hoà	3	941	1044	LUC
1553	Trần Văn Hoàn	Đổng định N4	Cao Hoà	3	942	208,8	LUC
1554	An Văn Tám	Đổng định N4	Cao Hoà	3	943	1044	LUC
1555	Phạm Văn Tiến	Đổng định N4	Cao Hoà	3	944	626,4	LUC
1556	Bùi Văn Tiếp	Đổng định N4	Cao Hoà	3	945	417,6	LUC
1557	Bùi Văn Long	Đổng định N4	Cao Hoà	3	946	882	LUC
1558	An Văn Từ	Đổng định N4	Cao Hoà	3	947	568,8	LUC
1559	Vũ Văn Ôi	Đất cát N4	Cao Hoà	1	948	150	LUC
1560	An Văn Phước	Đất cát N4	Cao Hoà	1	949	417,6	LUC
1561	Đỗ Văn Năm	Đất cát N4	Cao Hoà	1	950	1044	LUC
1562	An Văn Tồn	Đất cát N4	Cao Hoà	1	951	626,4	LUC
1563	Bùi Thị Ngoan	Đất cát N4	Cao Hoà	1	952	993,6	LUC
1564	Chánh	Đất cát N4	Cao Hoà	1	953	507,6	LUC
1565	An Văn Hiền	Đất cát N4	Cao Hoà	1	954	417,6	LUC
1566	An Văn Điều	Đất cát N4	Cao Hoà	1	955	1134	LUC
1567	An Văn Quá	Đất cát N4	Cao Hoà	1	956	515,2	LUC
1568	Vũ Văn Tường	Đất cát N3	Cao Hoà	1	957	864	LUC
1569	An văn Dương	Đất cát N3	Cao Hoà	1	958	108	LUC
1570	Vũ Văn Phó	Đất cát N3	Cao Hoà	1	959	1080	LUC
1571	Vũ Thị thương	Đất cát N3	Cao Hoà	1	960	864	LUC
1572	An Văn Mão	Đất cát N3	Cao Hoà	1	961	648	LUC
1573	An Văn Vinh	Đất cát N3	Cao Hoà	2	962	324	LUC
1574	Phamj Thị Quyền	Đất cát N3	Cao Hoà	2	963	936	LUC
1575	An Văn Lên	Đất cát N3	Cao Hoà	2	964	1620	LUC
1576	Vũ Văn Giới	Đất cát N3	Cao Hoà	2	965	1080	LUC
1577	Kim Văn Sông	Đất cát N4	Cao Hoà	2	966	1044	LUC
1578	Vũ Văn Khương	Đất cát N4	Cao Hoà	2	967	507,6	LUC
1579	Trần Văn Tắc	Đất cát N4	Cao Hoà	2	968	835,2	LUC
1580	Trần Văn Giáo	Đất cát N4	Cao Hoà	2	969	835,2	LUC
1581	An Văn Phước	Đất cát N4	Cao Hoà	2	970	417,6	LUC

1582	Vũ Văn Ôi	Đất cát N4	Cao Hoà	2	971	685,2	LUC
1583	An Văn Hưng	Đất cát N4	Cao Hoà	3	972	234	LUC
1584	An Thị Ngát	Đất cát N4	Cao Hoà	3	973	1044	LUC
1585	An văn Giêng Thung	Đất cát N4	Cao Hoà	3	974	835,2	LUC
1586	An Văn Giêng	Đất cát N4	Cao Hoà	3	975	1657,5	LUC
1587	Tường	Đất cát N4	Cao Hoà	3	976	417,6	LUC
1588	An Văn Quyết	Đất cát N4	Cao Hoà	3	977	1044	LUC
1589	An Văn Quỳnh	Đất cát N4	Cao Hoà	3	978	896,4	LUC
1590	An Văn Phường	Đất cát N4	Cao Hoà	3	979	417,6	LUC
1591	An Thị Hà bắc	Đất cát N4	Cao Hoà	3	980	159,2	LUC
1592	An Văn Thắng	Đất cát N3	Cao Hoà	4	981	432	LUC
1593	An Văn Chính	Đất cát N3	Cao Hoà	4	982	648	LUC
1594	An Văn Thuý	Đất cát N3	Cao Hoà	4	983	648	LUC
1595	An Văn Luân	Đất cát N3	Cao Hoà	4	984	648	LUC
1596	An Văn Quang	Đất cát N3	Cao Hoà	4	985	731	LUC
1597	An văn Thắng	Đất cát N3	Cao Hoà	4	986	648	LUC
1598	Trần Ngọc Chinh	Đất cát N3	Cao Hoà	4	987	720	LUC
1599	An Văn Tôn	Đất cát N3	Cao Hoà	4	988	1296	LUC
1600	Nguyễn Xuân Trung	Đất cát N3	Cao Hoà	4	989	288	LUC
1601	An Văn Cường	Đất cát N3	Cao Hoà	3	990	216	LUC
1602	An Văn Bông	Đất cát N3	Cao Hoà	3	991	947	LUC
1603	Trần Thị Ha	Đất cát N3	Cao Hoà	3	992	731	LUC
1604	Nguyễn Văn Miên	Đất cát N3	Cao Hoà	3	993	648	LUC
1605	An Thị Mười	Đất cát N3	Cao Hoà	3	994	864	LUC
1606	Định Văn Lạng	Đất cát N3	Cao Hoà	3	995	1296	LUC
1607	An Văn Vinh	Đất cát N3	Cao Hoà	3	996	216	LUC
1608	An Văn Hiệu	Đất cát N3	Cao Hoà	3	997	1296	LUC
1609	An Văn Tá	Đất cát N3	Cao Hoà	3	998	432	LUC
1610	Phạm Thị Tươi	Đất cát N3	Cao Hoà	3	999	1163	LUC
1611	An văn Cường	Mả tuất N3	Cao Hoà		1000	216	LUC
1612	Vũ Văn Đê	Mả tuất N3	Cao Hoà		1001	1080	LUC
1613	An Văn Sơn	Mả tuất N3	Cao Hoà		1002	1296	LUC
1614	An Thị Hoàn	Mả tuất N4	Cao Hoà		1003	537	LUC
1615	Trần Mạnh Nhường	Mả tuất N4	Cao Hoà		1004	1181	LUC
1616	Trần Văn Toạn	Mả tuất N4	Cao Hoà		1005	486	LUC
1617	Trần Văn Kết	Mả tuất N4	Cao Hoà		1006	1112,4	LUC
1618	Phạm Thanh Tuấn	Mả tuất N4	Cao Hoà		1007	626,4	LUC
1619	Phạm Văn Tới	Mả tuất N4	Cao Hoà		1008	745,2	LUC
1620	An Văn Tàu	Mả tuất N4	Cao Hoà		1009	979	LUC
1621	An Thị Lượ	Mả tuất N4	Cao Hoà		1010	417,6	LUC
1622	An Văn Viên	Mả tuất N4	Cao Hoà		1011	626,4	LUC
1623	Trần Văn Toạn	Mả tuất N4	Cao Hoà		1012	1283,2	LUC
1624	Trần Văn Toạn	Mả tuất N4	Cao Hoà		1013	110	LUC
1625	An Đăng Số	Mả tuất N4	Cao Hoà		1014	835,2	LUC
1626	An Văn Khoát	Mả tuất N4	Cao Hoà		1015	1422	LUC

1627	Trần Văn Đoan	Mã tuất N4	Cao Hoà		1016	1461,6	LUC
1628	Vũ Xuân Đình	Mã tuất N4	Cao Hoà		1017	1044	LUC
1629	Trần Thị Tiu	Mã tuất N4	Cao Hoà		1018	1461,6	LUC
1630	An Văn Quá	Mã tuất N4	Cao Hoà		1019	320	LUC
1631	An Văn Thượng	Mã tuất N4	Cao Hoà		1020	871	LUC
1632	Nguyễn Thị Thảo	Cầu Mới N4	Cao Hoà	2	1037	1429,3	LUC
1633	An văn Mỹ Uyên	Cầu Mới	Cao Hoà	2	1038	1715,1	LUC
1634	An Thị Tài Tường	Cầu Mới	Cao Hoà	2	1039	725,8	LUC
1635	An Văn Quyết	Cầu Mới	Cao Hoà	2	1040	1814,5	LUC
1636	An Văn Quỳnh	Cầu Mới	Cao Hoà	2	1041	1451,6	LUC
1637	An Văn Giêng	Cầu Mới	Cao Hoà	3	1042	1451,6	LUC
1638	An Ngát	Cầu Mới	Cao Hoà	3	1043	1814,5	LUC
1639	An Văn hưng	Cầu Mới	Cao Hoà	3	1044	725,8	LUC
1640	Kim Văn Sông	Cầu Mới	Cao Hoà	3	1045	1814,5	LUC
1641	An Văn Phường	Cầu Mới	Cao Hoà	3	1046	725,8	LUC
1642	Vũ Văn Khương	Cầu Mới	Cao Hoà	3	1047	725,8	LUC
1643	Nguyễn Thị Thom	Cầu Mới N3	Cao Hoà	4	1048	1242	LUC
1644	Nguyễn Thị Thuý	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1049	878	LUC
1645	An Thị Gấm	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1050	1242	LUC
1646	An Văn ngự	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1051	2070	LUC
1647	Vũ Văn Thuý	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1052	2070	LUC
1648	An Văn Đạo	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1053	2070	LUC
1649	An văn Tiếp	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1054	828	LUC
1650	An Văn Gạt	Cầu Mới	Cao Hoà	4	1055	2070	LUC
1651	Nguyễn Xuân Nhung	Cầu Mới	Cao Hoà	5	1056	2484	LUC
1652	An Văn Bình	Cầu Mới	Cao Hoà	5	1057	828	LUC
1653	An Văn Dừng	Cầu Mới	Cao Hoà	5	1058	828	LUC
1654	An Văn Tre	Cầu Mới	Cao Hoà	5	1059	1656	LUC
1655	Phạm Thị Lượ	Cầu Mới	Cao Hoà	5	1060	414	LUC
1656	Phạm Thị tươi	Cầu Mới	Cao Hoà	6	1061	1656	LUC
1657	An Văn tá	Cầu Mới	Cao Hoà	6	1062	828	LUC
1658	An Văn Hiệu	Cầu Mới	Cao Hoà	6	1063	2898	LUC
1659	An Thị Nở	Cầu Mới	Cao Hoà	6	1064	2898	LUC
1660	An Xuân Hùng Bướm	Cầu Mới	Cao Hoà	6	1065	4140	LUC
1661	An văn Thượng	Cầu Mới N4	Cao Hoà	7	1066	1814,5	LUC
1662	An Văn Tàu	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1067	1814,5	LUC
1663	An Đăng Số	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1068	1451,6	LUC
1664	An Văn Viên	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1069	1088,7	LUC
1665	An Văn Quá	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1070	1451,6	LUC
1666	An Văn Tôn	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1071	1088,7	LUC
1667	Phạm Văn Tới	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1072	1451,6	LUC
1668	An Văn Hiến	Cầu Mới	Cao Hoà	7	1073	725,8	LUC
1669	Vũ Văn Ôi	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1074	1451,6	LUC
1670	Chánh	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1075	725,8	LUC
1671	Bùi Thị Ngoan	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1076	1814,5	LUC

1672	An Thị Lượ	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1077	725,8	LUC
1673	Trần Văn Kết	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1078	2177,4	LUC
1674	Phạm Thanh Tuấn	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1079	1088,7	LUC
1675	An Văn Điều	Cầu Mới	Cao Hoà	8	1080	1814,5	LUC
1676	An Văn Phước	Cầu Mới	Cao Hoà	9	1082	725,8	LUC
1677	Trần Văn Tác	Cầu Mới	Cao Hoà	9	1083	1451,6	LUC
1678	Trần Văn Giáo	Cầu Mới	Cao Hoà	9	1084	1451,6	LUC
1679	An Thị Hà bắc	Cầu Mới	Cao Hoà	9	1085	2903,2	LUC
1680	An Văn Phước	Cầu Mới	Cao Hoà	9	1086	725,8	LUC
1681	Đỗ văn Năm	Cầu Mới	Cao Hoà	9	1087	1814,5	LUC
1682	An Văn Thắng	Cầu Mới N3	Cao Hoà	10	1088	828	LUC
1683	An Văn Chính	Cầu Mới	Cao Hoà	10	1089	1242	LUC
1684	Vũ Văn Thuỷ	Cầu Mới	Cao Hoà	10	1090	1242	LUC
1685	An Văn Luận	Cầu Mới	Cao Hoà	10	1091	1242	LUC
1686	An Văn Quang	Cầu Mới	Cao Hoà	10	1092	1242	LUC
1687	An Văn Thắng	Cầu Mới	Cao Hoà	10	1093	1242	LUC
1688	Trần Ngọc Chinh	Cầu Mới	Cao Hoà	10	1094	1656	LUC
1689	Vũ Văn Tường	Cầu Mới	Cao Hoà	11	1095	1656	LUC
1690	An Văn Dương	Cầu Mới	Cao Hoà	11	1096	207	LUC
1691	Vũ Văn Phó	Cầu Mới	Cao Hoà	11	1097	2070	LUC
1692	Vũ Thị Thương	Cầu Mới	Cao Hoà	11	1098	1656	LUC
1693	An Văn Mạo	Cầu Mới	Cao Hoà	11	1099	1242	LUC
1694	Nguyễn Thị Nga	Cầu Mới	Cao Hoà	11	1100	414	LUC
1695	Nguyễn Thị Nga	Cầu Mới	Cao Hoà	12	1103	1242	LUC
1696	Nguyễn Thị Nhung	Cầu Mới	Cao Hoà	12	1104	1656	LUC
1697	Đỗ Văn Chảo	Cầu Mới	Cao Hoà	12	1105	2484	LUC
1698	An Văn Tác	Cầu Mới	Cao Hoà	12	1106	1242	LUC